



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

## Mục lục

<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	3
1. Thông tin khái quát .....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
5. Định hướng phát triển.....	6
6. Các rủi ro.....	8
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b> .....	9
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: .....	9
2. Tổ chức và nhân sự.....	10
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	17
4. Tình hình tài chính .....	17
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	18
6. Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	19
<b>III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....	19
1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.....	19
2. Tình hình tài chính .....	20
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	21
4. Kế hoạch hành động năm 2017 .....	26
5. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	23
6. Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	24
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	24
1. Đánh giá về hoạt động của Công ty.....	24
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc.....	25
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT.....	25
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	26
1. Hội đồng quản trị.....	26
2. Ban kiểm soát .....	30
3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát	31
4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty. ....	32
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:</b> .....	32
1. Ý kiến kiểm toán:.....	32
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán .....	33

## **I. THÔNG TIN CHUNG**

### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303476454 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 27/08/2004 cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 31/07/2017
- Vốn điều lệ: **645.160.000.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **645.160.000.000 đồng**
- Địa chỉ: Tầng 5, 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM
- Điện thoại: (84.28) 62918483
- Số fax: (84.28) 62918489
- Website: [www.saigonwater.com.vn](http://www.saigonwater.com.vn)
- Mã cổ phiếu: **SII**

### **2. Quá trình hình thành và phát triển**

- Tiền thân với tên gọi là CTCP Xây dựng Việt Thành – số ĐKKD là 4103002620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp vào ngày 27 tháng 08 năm 2004, có trụ sở tại 115/7P Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp; Vốn ban đầu là 550 triệu đồng và hoạt động trong lĩnh vực mua bán vật liệu xây dựng, phụ tùng; dịch vụ cho thuê thiết bị và xây dựng các công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, công nghiệp...
- Ngày 27/10/2004, Công ty thực hiện tăng vốn lên 3 tỷ đồng và bổ sung thêm ngành nghề Dịch vụ tư vấn về quản lý và giám sát thi công công trình.
- Ngày 09/01/2006, bổ sung thêm ngành kinh doanh: Tư vấn đầu tư, xây dựng; thiết kế công trình giao thông; thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; thẩm tra thiết kế, dự toán công trình; lập dự toán, tổng dự toán công trình; thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng.
- Đến ngày 25/06/2009, Công ty chuyển trụ sở về 211/4 Lê Văn Thọ, Phường 9, Quận Gò Vấp.
- Tháng 5/2010, đổi tên thành CTCP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (SII JSC) với số vốn đăng ký là 400 tỷ đồng, đồng thời chuyển trụ sở về số 50 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1.
- Tháng 5/2011, Công ty quyết định xây dựng và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh chính “Ngành Hạ Tầng Môi Trường”.
- Ngày 22/08/2012, cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán là SII.
- Tháng 2/2013, thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (Saigon Water) để phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.

- Tháng 8/2013, Saigon Water ký hợp đồng đầu tư với đối tác chiến lược là Manila Water, phát hành tăng vốn thành công từ 400 tỷ đồng, lên 583.7 tỷ đồng.
- Tháng 01/2017, Công ty chuyển trụ sở về 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11.
- Tháng 06/2017, Công ty phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược, phát hành tăng vốn thành công từ 583.7 tỷ đồng lên 645.16 tỷ đồng.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, Thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển – đo lường;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn thiết bị cấp - thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch-nước thải. Bán buôn vật tư- thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường. Bán buôn hoá chất khác (Trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (Trừ tư vấn pháp luật); Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Không sản xuất tại trụ sở);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; giám sát thi công công trình;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa chi tiết: Nuôi trồng thủy sản nước lợ - nước ngọt và sản xuất giống thủy sản ( không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị điện khác (Không hoạt động tại trụ sở);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, xử lý nước thải, cấp thoát nước sinh hoạt, điện chiếu sáng và trạm biến áp.
- Dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính).

#### Địa bàn kinh doanh

- Đối với hoạt động đầu tư hạ tầng nước, hiện công ty vẫn đang tập trung đầu tư ở khu vực Thành phố Hồ chí Minh và các tỉnh thành khác như Long An, Lâm Đồng, Gia Lai, Cần Thơ.

- Đối với hoạt động dịch vụ kỹ thuật môi trường, địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Long An, Lâm Đồng, Gia Lai và các tỉnh thành ở Miền Nam.

#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

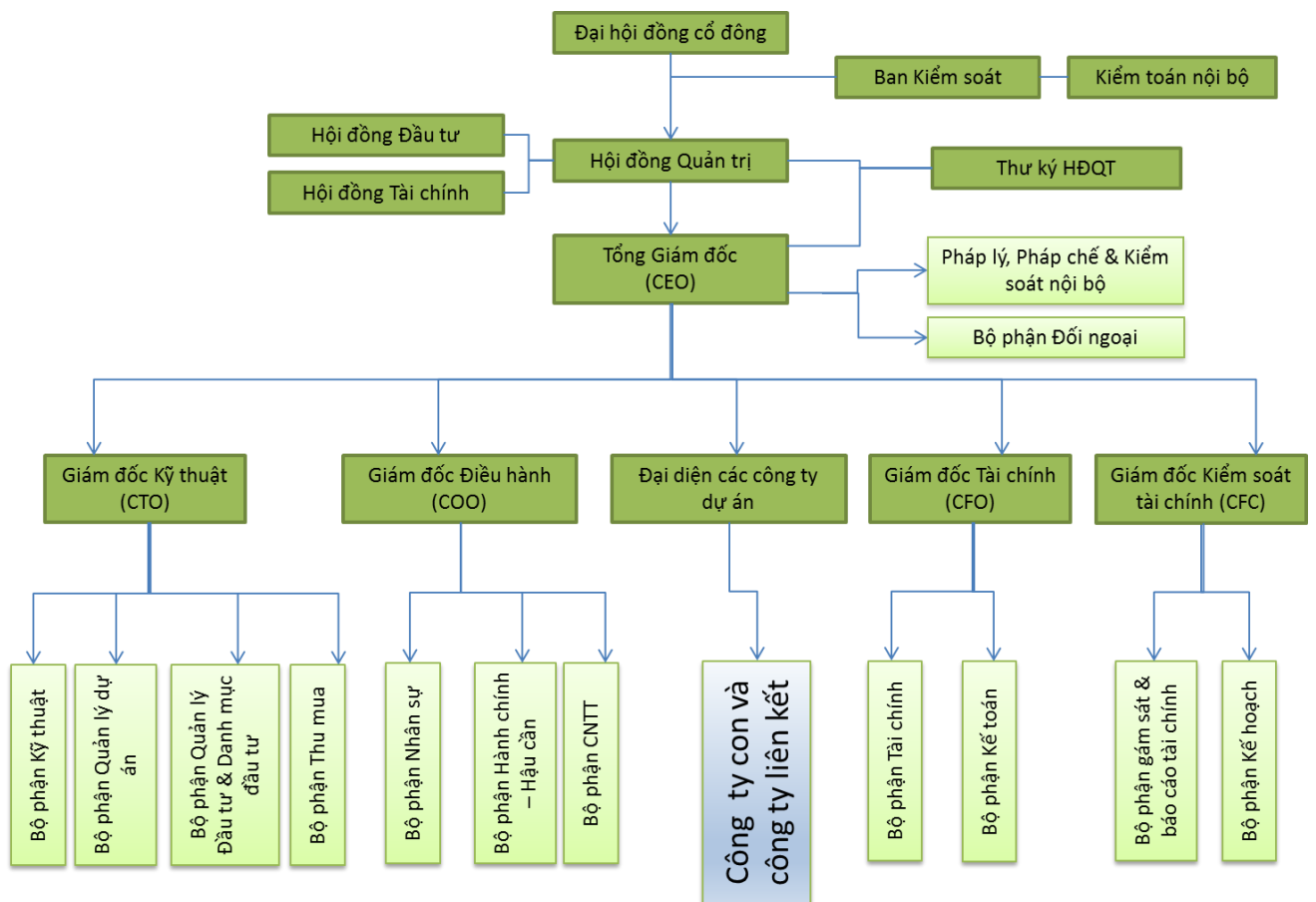
##### Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Saigon Water được thực hiện theo qui chế quản trị của công ty ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW ngày 15/8/2017 của Hội đồng quản trị công ty. Theo đó, qui chế này qui định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.

##### Cơ cấu bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý công ty được xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ các bộ phận đảm bảo liên kết chặt chẽ, vận hành linh hoạt và phù hợp với lĩnh vực hoạt động của công ty.

sơ đồ bộ máy tổ chức hoạt động của công ty như sau:



##### Các công ty con, công ty liên kết:

Tại ngày 31/12/2017 công ty có tám (08) công ty con và hai (02) công ty liên kết, thông tin về các công ty con, công ty liên kết như sau:

## Thông tin về công ty con:

### Thông tin về công ty con:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Thành phố Hồ Chí Minh	85%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55%	55%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	Thành phố Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia	Tỉnh Lâm Đồng	90%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	64,93%	64,93%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và chống thất thoát nước
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
Công ty TNHH MTV Đầu tư nước SGN	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch

### Các công ty liên doanh, liên kết:

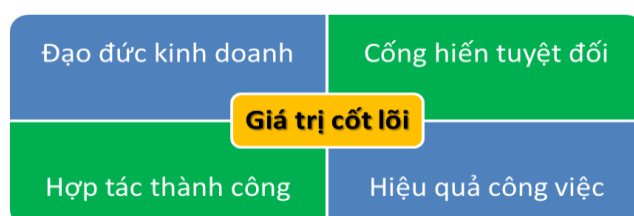
Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ (*)	Thành phố Cần Thơ	31,21%	31,21%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

(\*): Công ty liên kết đầu tư gián tiếp thông qua công ty con – Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro

## 5. Định hướng phát triển

### Tầm nhìn

“Saigon Water sẽ sớm trở thành biểu tượng số 01 của nhà phát triển hạ tầng trong ngành công nghiệp nước sạch và nước thải tại Việt Nam, việc cung cấp các giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng của chúng tôi để tạo ra lợi nhuận bền vững cho Saigon Water”



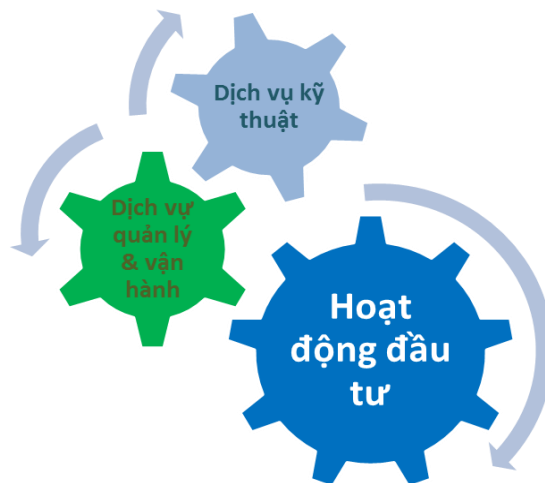
## **Sứ mệnh**

“Cống hiến cho cộng đồng ngành nước với giải pháp tổng thể và góp phần tạo dựng giá trị bền vững của Công ty”.

## **Định hướng chiến lược phát triển**

Tập trung vào 3 mảng kinh doanh cốt lõi:

- + Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước
- + Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước
- + Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước



### **❖ Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước (Investment)**

- Xây dựng và phát triển các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty đã xác định (tạo nguồn hàng)
- Tái cấu trúc các dự án đầu tư hiện hữu để chuẩn hóa lĩnh vực đầu tư tài chính
- Thoát vốn đầu tư cho các đối tác đầu tư chuyên ngành để tái đầu tư vào các dự án mới, vẫn duy trì một tỷ lệ sở hữu thích hợp để đảm bảo hiệu quả cho các nhà đầu tư bằng dịch vụ O&M.

### **❖ Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước**

- Tiếp tục phát triển thị trường với các giải pháp công nghệ mới cho các lĩnh vực xử lý nước sạch, xử lý nước thải đô thị như: UV, tự động hóa, thiết bị quản lý và kiểm soát rò rỉ, thiết bị dò tìm rò rỉ thông qua chính sách “Free Engineering”
- Phát triển và tăng cường sự hiện diện của các thiết bị và hệ thống do Enviro nghiên cứu, sản xuất.
- Cùng đối tác chiến lược thúc đẩy sự hiện diện và tạo ảnh hưởng công nghệ đối với thị trường bằng giải pháp công nghệ và thiết bị chất lượng cao từ Hoa Kỳ.

### **❖ Dịch vụ vận hành bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước**

- Khai thác dịch vụ từ các dự án do Công ty và các đối tác đầu tư.
- Từng bước mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ cho các khách hàng mới.

#### **Các mục tiêu đối với môi trường, cộng đồng và xã hội.**

Vấn đề ô nhiễm môi trường và mất cân bằng sinh thái đang là một vấn đề nóng bỏng và ngày càng trở nên trầm trọng. Việt Nam cũng đang phải đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng này. Hơn nữa, Việt Nam phải cam kết thực hiện ngày càng nhiều hơn các quy định quốc tế về bảo vệ môi trường, đảm bảo quá trình phát triển bền vững. Cụ thể, trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, theo ý kiến của Hội Cấp Thoát Nước Việt Nam, tỷ lệ bao phủ cấp nước chỉ đạt chưa đầy 60% trong các đô thị Việt Nam. Hơn nữa, tỷ lệ thất thoát nước sạch trong ngành cấp nước Việt Nam còn ở mức cao (40- 50%). Đây cũng là một yếu tố làm cho chất lượng các dịch vụ cấp nước hiện có chưa cao, hiệu quả thấp. Ngoài ra, khoảng 1,5 tỷ m<sup>3</sup> nước thải chưa được xử lý đang thải vào môi trường. Trong khi, hiện chỉ có rất ít các nhà máy xử lý nước thải được xây dựng và vận hành (120 triệu m<sup>3</sup> được xử lý hàng năm). Điều này cho thấy, chưa đầy 10% sản lượng nước thải hàng ngày được xử lý. Cho nên, nhu cầu xử lý nước thải cũng là một nhu cầu to lớn trong 20 năm tới.

Với khả năng và thế mạnh của mình, cũng như cơ hội của thị trường, Công ty có khả năng cung cấp các giải pháp tổng thể cho ngành (đầu tư, dịch vụ kỹ thuật, vận hành) và sẽ có được những “Giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng tạo nên lợi nhuận bền vững của doanh nghiệp”. Qua đó, “Cống hiến cho cộng đồng những công trình hạ tầng nước thông qua giải pháp tổng thể và mang lại cho doanh nghiệp các giá trị bền vững”.

## **6. Các rủi ro**

### **Rủi ro đầu tư**

Hiện nay hầu hết các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp có dự án thực hiện tại Việt Nam cho nên phải chịu sự điều chỉnh bởi những điều kiện kinh tế, chính trị, luật pháp của Việt Nam. Do ngành hạ tầng nước là ngành có tính địa phương cao, rủi ro về cơ chế chính sách cũng khác nhau ở từng địa phương. Việc đầu tư vào ngành nước cũng chịu rủi ro đến từ bản chất của ngành: đòi hỏi thời gian thu hồi vốn dài nên có thể cần khả năng quản lý nguồn vốn dài hạn để đầu tư dự án.

Hoạt động đầu tư của công ty có thể tăng trưởng và mở rộng trong nhiều lĩnh vực khác nhau đặc biệt là danh mục đầu tư thuộc lĩnh vực hạ tầng nước và các dịch vụ đô thị, môi trường và xã hội. Đây là xu hướng đầu tư chính của công ty theo đúng định hướng của Việt Nam hiện nay là sử dụng nguồn lực trong dân chúng để chia sẻ những khó khăn về tài chính của Chính phủ.

Định hướng phát triển của công ty là linh hoạt trong từng thời điểm phù hợp với những thay đổi về nền kinh tế, chính trị và những quy định hiện hành tại Việt Nam. Những chính sách kinh tế của Việt Nam có thể thay đổi, vì vậy việc lựa chọn đầu tư vào những dự án có tính an



toàn cao luôn được ưu tiên hàng đầu đối với Công ty, đây cũng là ưu tiên hàng đầu đối với Công ty cho sự phát triển kinh doanh và triển vọng của Công ty trong tương lai.

#### **Rủi ro liên quan đến các chính sách tín dụng và lãi suất**

Ngoài khoản đầu tư bằng vốn góp của các cổ đông, Công ty cũng sử dụng nguồn tài trợ từ các tổ chức tín dụng. Trong thời kỳ kinh tế biến động như hiện nay thì việc kiểm soát nền kinh tế đi đúng định hướng phát triển đất nước và để đảm bảo hạn chế thấp nhất những tác động xấu từ sự vỡ nợ mất thanh khoản của các tổ chức tín dụng thì ngân hàng nhà nước đã đưa ra các quy định nhằm kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của tổ chức tín dụng một cách hợp lý. Lãi suất huy động trong năm tương đối ổn định. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm đối với ngắn hạn, 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất ổn định và chính sách tín dụng mang tính hỗ trợ cho sự phát triển của kinh tế tư nhân đã tạo điều kiện cho triển khai chiến lược tài chính của Công ty.

#### **Rủi ro khác**

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Các rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đặc biệt là đối với các dự án mà Công ty tham gia đầu tư.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Trong năm 2017, Công ty chủ yếu tập trung nguồn lực cho việc triển khai và phát triển các dự án trong chuyên ngành Hạ tầng nước. Mặt khác, các dự án mà công ty đã đầu tư vẫn còn đang trong giai đoạn triển khai nên chưa thu được lợi nhuận như kỳ vọng. Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2017 của Công ty không đạt được như kế hoạch đã được Đại hội đồng thường niên 2016 đã thông qua, cụ thể như sau:

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>THỰC HIỆN 2017</b>	<b>THỰC HIỆN 2016</b>	<b>KẾ HOẠCH 2017</b>	<b>% THỰC HIỆN 2017 / THỰC HIỆN 2016</b>	<b>% THỰC HIỆN 2017 / KẾ HOẠCH 2017</b>
<b>1. TỔNG DOANH THU</b>	<b>515.27</b>	<b>303.40</b>	<b>719.26</b>	<b>70%</b>	<b>-28%</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	279.85	256.89	518.76	9%	-46%
Doanh thu hoạt động tài chính	34.50	46.51	80.50	-26%	-57%
Thu nhập khác	200.92		120.00		67%
<b>2. TỔNG CHI PHÍ</b>	<b>488.51</b>	<b>277.27</b>	<b>631.83</b>	<b>76%</b>	<b>-23%</b>
Giá vốn bán hàng	288.75	208.26	446.56	39%	-35%

Chi phí tài chính	111.51	21.06	134.97	429%	-17%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	62.36	47.23	50.30	32%	24%
Chi phí khác	25.89	0.72	-	3496%	0%
<b>3. Lợi nhuận từ công ty liên kết</b>	<b>9.14</b>	<b>7.85</b>	<b>6.05</b>	<b>16%</b>	<b>51%</b>
<b>4. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>35.89</b>	<b>33.98</b>	<b>93.48</b>	<b>6%</b>	<b>-62%</b>
<b>5. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</b>	<b>38.79</b>	<b>33.48</b>	<b>61.31</b>	<b>16%</b>	<b>-37%</b>

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2017 là 38,79 tỷ đồng, thấp hơn so với kế hoạch đề ra bởi những nguyên nhân sau:

- Nguyên nhân chính của việc lợi nhuận thấp hơn năm ngoái là do suy giảm số lượng hợp đồng dịch vụ của ENVIRO, và gia tăng chi phí hoạt động của các dự án; Công ty giải pháp mạng nước Châu Á vẫn chưa mang lại lợi nhuận như kỳ vọng, có nhiều hợp đồng chưa được ký kết; Đồng thời lượng nước ghi thu của Saigon - Dankia và Dự án Củ Chi thấp hơn so với kế hoạch, và một vài hoạch định của Công ty chưa được thực thi;
- Enviro ghi nhận lợi nhuận thấp hơn so với năm trước do có số lượng hợp đồng dịch vụ ít hơn;
- Saigon Dankia vẫn duy trì tình trạng hoạt động kinh doanh hiện tại, phát nước ở công suất bình quân 25.000 mét khối/ngày đêm;
- Saigon Pleiku đã cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh rất nhiều trong 2017. Lượng nước ghi thu của công ty trong năm đã đạt được 6,770 m<sup>3</sup>/ngày đêm, tuy nhiên vẫn chưa bù đắp được chi phí lãi vay và chi phí khấu hao, do vậy kết quả vẫn lỗ 13 tỷ trong năm 2017;
- Giải pháp mạng nước Châu Á chưa cải thiện hoạt động kinh doanh, vẫn chưa ký được các hợp đồng dịch vụ do vậy nguồn thu từ các dự án chưa, lợi nhuận năm 2017 âm 2,4 tỷ;
- Dự án Củ Chi đã có 80,661 đầu nối hoàn thiện tính đến thời điểm cuối tháng 03/2018. Sản lượng nước ghi thu đạt khoảng hơn 15.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm mang lại doanh thu 27 tỷ cho năm 2017, tuy nhiên so với số lượng đồng hồ đã đầu nối thì hiện nay chỉ có hơn 40% hộ dân sử dụng nước do thói quen sử dụng nước ngầm vẫn đang duy trì. Tuy công ty cũng đã và đang phát động phong trào khuyến khích người dân sử dụng nước nhưng chưa mang lại hiệu quả cao.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### Danh sách Ban điều hành

Danh sách ban điều hành và tỷ lệ cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2017

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Trương Khắc Hoàn	Tổng Giám đốc	0,04%
2	Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	0,03%
3	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	0,00%
4	Ronnie D. Lim	Giám đốc Điều hành	0,00%
5	Ramoncito Gomez	Giám đốc Kỹ thuật	0,00%
6	Ma. Lourdes Dalusung	Giám đốc Kiểm soát tài chính	0,00%

Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

#### **Ông Trương Khắc Hoàn - Tổng Giám đốc:**

- Ngày tháng năm sinh: 16/01/1972
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: 97 đường số 2, CX Bình Thới, F.8, Quận 11, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị (MBA)
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1994 đến năm 1996 : Kiểm soát tài chính, Công ty Control Techniques Việt Nam
  - + Từ năm 1997 đến năm 2004: Phó Tổng giám đốc, Công ty CP Nước & Môi trường (WACO)
  - + Từ năm 2005 đến năm 2010: Phó Tổng giám đốc, Công ty CP BOO Nước Thủ Đức
  - + Từ năm 2010 đến 04/2012: Tổng giám đốc, Công ty CP BOO Nước Thủ Đức
  - + Từ 07/2011 đến 04/2012: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn.
  - + Từ 05/2012 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Hạ tầng nước Sài Gòn
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - + Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP.HCM;
  - + Chủ tịch Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro;
  - + Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư nước Tân Hiệp;

**Bà Giao Thị Yến – Phó Chủ tịch thường trực:**

- Ngày tháng năm sinh : 13/03/1955
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 151 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ ngành Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 1982 đến năm 1998: Phó giám đốc Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn, kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phương Đông
  - + Từ năm 1999 đến năm 2000 : Phó trưởng ban Tài chính Quản trị Thành ủy TP.HCM
  - + Từ năm 2000 đến năm 2007 Tổng giám đốc HIFU, kiêm:
    - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần BOO nước Thủ Đức
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần chứng khoán TP.HCM
- Phó chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển nhà HCM
- Giám đốc Quỹ Phát triển Nhà HCM
- + Từ năm 2008 đến năm 2009:
  - Nghỉ hưu theo chế độ nhà nước
  - Chuyên gia tư vấn độc lập: Công ty Cổ phần Nhà Việt Nam; Vietbook group
- + Từ năm 2009 đến 2010: Tư vấn cao cấp về tài chính cơ sở hạ tầng dự án các Quỹ Đầu tư Phát triển Địa phương của WB ở Việt Nam
- + Từ tháng 07/2010 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT;
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - + Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai.

### **Ông Ramoncito L.Gomez: Giám đốc Kỹ thuật**

- Ngày tháng năm sinh: 6/10/1982
- Nơi sinh: Philippines
- Quốc tịch: Filipino
- Dân tộc: -
- Quê quán: -
- Địa chỉ thường trú: Căn 4-D, Tháp 3, Chung cư Escalades, Đại lộ 20, Cubao, TP. Quezon, Philippines
- Trình độ văn hóa: Cử nhân
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kỹ sư dân dụng
- Quá trình công tác:
  - + Từ tháng 12/2005 đến tháng 01/2007 : Nhân viên quản lý khu vực, Công ty Manila Water, Philippines
  - + Từ tháng 01/2007 đến tháng 11/2008 : Trưởng phòng Quản lý vùng, Công ty Manila Water, Philippines
  - + Từ tháng 11/2008 đến tháng 12/2009 : Trưởng phòng Quản lý khu vực kinh doanh, Công ty Manila Water, Philippines
  - + Từ tháng 12/2009 đến tháng 05/2011 : Trưởng phòng Kế hoạch Mạng lưới, Công ty Manila Water, Philippines
  - + Từ tháng 05/2011 đến tháng 10/2013 : Trưởng phòng Dịch vụ Kỹ thuật, Công ty Manila Water, Philippines
  - Từ tháng 10/2013 đến tháng 09/2015 : Trưởng phòng Kỹ thuật tại Saigon Water

### **Ông Ronnie D. Lim: Giám đốc Điều hành**

- Ngày tháng năm sinh : 29/08/1978
- Nơi sinh: Bacolod City
- Quốc tịch: Phillipines
- Dân tộc: Phillipines
- Quê quán: Phillipines
- Địa chỉ thường trú: 4E Sherwoods Apartments, 127 Pasteur, Quận 3, TP. HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Kinh tế Kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - + Từ tháng 04/2000 đến tháng 1/2001: Giám đốc kinh doanh Công ty 5<sup>th</sup>P Quảng cáo
  - + Từ tháng 02/2001 đến tháng 12/2004: Giám đốc kinh doanh khu vực Công ty nước Manila
  - + Từ tháng 1/2005 đến 2007: Cán bộ Pháp chế và phát triển công ty Công ty nước Manila
  - + Từ 2007 đến 7/2009: Giám đốc phát triển kinh doanh mới Công ty nước Manila
  - + Từ tháng 7/2009 đến tháng 7/2011: Giám đốc hoạt động (COO) – Việt Nam Công ty nước Manila
  - + Từ tháng 7/2011 đến tháng 9/2013: Trưởng phòng phát triển kinh doanh Công ty nước Manila
  - + Từ tháng 10/2013 đến hiện tại: Giám đốc khu vực/ Trưởng văn phòng đại diện (Việt Nam)
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng văn phòng đại diện của Công ty Manila Water tại Việt Nam

### **Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng**

- Ngày tháng năm sinh : 07/01/1980
- Nơi sinh : Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Gia Lai
- Địa chỉ thường trú: 451/94 Phạm Thế Hiển, Phường 3, Quận 8, Tp. HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA)
- Quá trình công tác:

- + Từ tháng 6/2003 đến tháng 04/2005: Kế toán Công ty TNHH Giao nhận Altus;
- + Từ tháng 04/2005 đến tháng 04/2006: Kế toán tổng hợp Công ty Obayashi Corporation;
- + Từ tháng 04/2006 đến tháng 02/2010: Trưởng phòng kế toán Công ty Quản lý quỹ Việt Nam (VFM);
- + Từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2014: Quản lý văn phòng Công ty CP Chứng khoán Hùng Vương;
- + Từ tháng 05/2014 đến tháng 05/2015: Kế toán trưởng Công ty TNHH Quản lý quỹ ACE Life
- + Từ tháng 05/2015 đến tháng 04/2016: Cố vấn Tài chính kế toán Công ty Riverorchid PR và ALternaty Real Estate Service;
- + Từ năm 2016 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Kế toán trưởng.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai

**Bà Lourdes Ma. Dalusung: Giám đốc Kiểm soát tài chính**

- Ngày tháng năm sinh : 1981
- Nơi sinh : Philippines
- Quốc tịch : Filipino
- Dân tộc : -
- Quê quán : -
- Địa chỉ thường trú: 100 Nguyễn Đình Chiểu, Q.1, TP. HCM
- Trình độ văn hóa: Cử nhân
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
  - + Từ tháng 07/2004 - 05/2008: Chuyên viên kiểm toán cao cấp, Công ty Sycip Gorres Velayo & Co.;
  - + Từ tháng 06/2008 - 10/2009: Nhân viên phân tích tài chính, Công ty IBM Business Services;
  - + Từ tháng 10/2009 - 12/2011: Chuyên viên Kiểm toán nội bộ, Công ty Manila Water ;
  - + Từ tháng 11/2011 - 09/2011: bổ nhiệm tạm thời Quản lý Tài chính - Hành chính, Công ty Manila Water tại Việt Nam;
  - + Từ tháng 01/2012 - 06/2014: Kiểm soát tài chính Văn phòng Kinh doanh Khu vực phía Đông, Manila Water;

- + Từ tháng 07/2014 đến nay : bổ nhiệm tại Saigon Water (Công ty liên kết với Manila Water): Trưởng Bộ phận Tài chính của Công ty Manila Water Asia Pacific tại Saigon Water;
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Giám đốc Kiểm soát tài chính

**🌈 Những thay đổi trong Ban điều hành:** Trong năm 2017 Công ty có sự thay đổi nhân sự trong Ban điều hành: thay đổi Giám đốc Tài chính, bổ nhiệm Giám đốc Kỹ thuật và Giám đốc Kiểm soát tài chính.

**🌈 Số lượng lao động trong công ty:**

Chỉ tiêu	Tại ngày 30/12/2017	Tỷ lệ
Số lượng cán bộ nhân viên (người)	143	98% (chưa bao gồm 02 thành viên BGD và 01 KTT)
Tiền lương bình quân (đồng/ người/ tháng)	7.600.000	
<b>Phân theo trình độ chuyên môn</b>		
- Đại học và trên đại học (người)	49	35% (so với số lượng 143 người)
- Cao đẳng, trung cấp (người)	35	24%
- Khác (người)	59	41%
<b>Phân theo hợp đồng</b>		
- Hợp đồng không xác định thời hạn (người)	19	13%
- Hợp đồng có xác định thời hạn từ 01 đến 03 năm	124	87%
- Hợp đồng lao động dưới 12 tháng	0	0%

#### ❖ Chính sách đối với người lao động

##### Thời gian làm việc

- Thời gian làm việc của khối văn phòng: 05 ngày/tuần.  
Buổi sáng: từ 8giờ đến 12giờ00.  
Buổi chiều: từ 13giờ00 đến 17giờ00.  
Riêng văn phòng O&M Củ Chi, để thực hiện dịch vụ cấp nước 24/24 có lịch làm việc riêng cho từng bộ phận và vẫn đảm bảo tuân thủ số giờ làm việc theo luật lao động quy định.
- Ngày nghỉ hàng tuần: Thứ bảy và chủ nhật.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: được nghỉ theo công bố của Nhà Nước
- Người lao động được nghỉ phép 12 ngày/năm. Cứ làm việc được năm năm sẽ được thêm 1 ngày phép.
- Người lao động được nghỉ lễ, tết theo quy định của Luật Lao động.

#### ❖ Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

- Tuyển dụng:
  - Công ty chú trọng tuyển dụng những nhân viên phù hợp với yêu cầu của công việc. Công ty khuyến khích việc tuyển dụng nội bộ nhằm tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội phát triển và thăng tiến.
  - Bên cạnh đó, Công ty vẫn thực hiện công tác tuyển dụng nhân lực từ bên ngoài. Nhân viên được Công ty tuyển dụng trực tiếp hoặc thông qua các Công ty Tư vấn, Môi giới nhân lực, thi tuyển hoặc sự giới thiệu của nhân viên Công ty, của cơ quan quản lý địa phương.
- Đào tạo:
  - Công ty chú trọng việc các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn, khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ công tác và đạo đức nghề nghiệp.
  - Thực hiện thường xuyên công tác đào tạo nội bộ do các giám đốc, trưởng bộ phận chuyên môn phụ trách.

#### ❖ Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

##### ▪ Chính sách lương:

**Điều 1:** Hình thức trả lương căn cứ ghi trên hợp đồng lao động và được thanh toán làm một lần vào ngày cuối của hàng tháng.

Đơn giá trả lương được căn cứ vào mức lương được ghi trên hợp đồng lao động cá nhân. Người lao động khi lãnh lương phải biết được mọi khoản lương được lãnh của mình.

Nếu trong trường hợp phải tạm ngưng việc do tình hình khách quan thì người lao động được hưởng 70% trên mức lương căn bản được ghi trên hợp đồng lao động cá nhân.

**Điều 2:** Căn cứ vào điều 28 Chương III, tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều phải qua thời gian thử việc và được hưởng 85% lương căn bản theo cấp bậc công việc. Sau thời gian thử việc nếu người lao động được chính thức ký hợp đồng tuyển dụng thì sẽ được hưởng 100% lương căn bản theo cấp bậc công việc.

**Điều 3:** Nếu có nhu cầu làm thêm giờ thì người lao động được trả lương làm thêm giờ theo điều 97 Chương VI của Bộ luật lao động đã được sửa đổi.

- Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%.
- Vào ngày nghỉ hàng tuần, ít nhất bằng 200%.
- Vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương, ít nhất bằng 300%.
- Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường.
- Người lao động làm việc thêm giờ vào ban đêm thì ngoài việc trả lương theo quy định, người lao động còn được trả thêm 20% tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc ban ngày.

##### ▪ Khen thưởng

- Chế độ khen thưởng (do doanh nghiệp định mức thực hiện theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về tiền lương).
- Thưởng ít nhất 01 tháng lương (tháng lương thứ 13) cho Người lao động theo mức lương trên HĐLĐ.



▪ **Các phúc lợi khác:**

Được trích từ chi phí của Công ty, Quỹ khen thưởng phúc lợi các khoản chăm lo cho người lao động cụ thể như sau:

- Hằng năm, tổ chức cho người lao động tham quan, nghỉ mát một lần, về chi phí tùy theo tình hình kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động.
- Tiền đồng phục: 2.000.000 đồng/01 người/ 01 năm, không chi tiền mặt, nếu chi không hết sẽ chuyển vào quỹ cho các năm tiếp theo.
- Các khoản phúc lợi liên quan đến hiếu hỉ, ma chay, ốm đau...theo Thỏa ước lao động tập thể.

### 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong 2017, Công ty đã đạt được nhiều thành quả lớn trong việc triển khai các dự án. Những thành quả quan trọng này đạt được cũng nhờ phần lớn từ sự nỗ lực của ban điều hành trong quá trình thương thảo để đạt được những cam kết nhất định, không chỉ từ các chính quyền địa phương mà còn từ các tổ chức tài chính và khách hàng mới. Những thành tựu nổi bật của công ty trong năm như sau:

- Hoàn thiện phần còn lại của công việc phát triển mạng lưới cấp nước của Dự án Củ Chi. Tuyến ống cấp 2 và cấp 3 đã được hoàn thiện gần như toàn bộ trong năm, để tạo điều kiện cho việc lắp đặt hơn 80,660 đầu nối dịch vụ. Thành quả đáng chú ý là 17 trên 21 xã hiện nay đã có thể sử dụng nước sạch trực tiếp từ mạng lưới phân phối của Công ty và chỉ có 2 xã vẫn còn sử dụng nước từ trạm ngầm.
- Saigon Water tham gia vào quá trình cổ phần hóa và hoàn tất việc đầu tư Công ty cổ phần Cấp Nước Gia Lai với tổng mức đầu tư lên đến 121 tỷ đồng, tương đương với 51% vốn điều lệ của công ty. Đại hội đồng cổ đông lần đầu tiên đã được tổ chức vào tháng 12/2016, chính thức tuyên bố thay đổi hình thức hoạt động và cơ cấu tổ chức công ty.
- Dự án nhà máy nước Tân Hiệp 2 đã đi vào hoạt động và đạt được thành quả tốt trong năm 2017 và dự kiến sẽ mang lại nguồn thu lớn cho Công ty trong năm 2018.

Kết quả của các dự án đầu tư này là các bước hiện thực hóa mục tiêu đóng góp cho ngành hạ tầng nước tại Việt Nam và củng cố thêm vị thế của Công ty trên thị trường.

### 4. Tình hình tài chính

#### 4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu (ĐVT: Triệu đồng)	2017	2016	% Tăng/ Giảm
Tổng giá trị tài sản	3.246.814	3.437.802	-5,6%
Doanh thu thuần	279.846	256.887	8,9%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(148.278)	26.845	-652,4%
Lợi nhuận khác	175.031	(716)	24340,6%

Chỉ tiêu (ĐVT: Triệu đồng)	2017	2016	% Tăng/ Giảm
Lãi lỗ trong công ty liên kết	9.138	7.853	16,4%
Lợi nhuận trước thuế	35.892	33.982	5,6%
Lợi nhuận sau thuế	33.035	30.093	9,8%

## 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
_Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,99	2,12
_Hệ số thanh toán nhanh	1,81	2,05
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
_Nợ/Tổng tài sản	53%	63%
_Nợ/Vốn chủ sở hữu	114%	169%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
_Vòng quay khoản phải thu ngắn hạn	1,31	0,75
_Vòng quay hàng tồn kho	8,31	6,98
_Vòng quay tổng tài sản	0,09	0,08
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
_Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11,8	11,7%
_Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,18	3,7%
_Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,0%	1,0%
_Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-50%	10,2%

## 5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1 Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đã phát hành tính đến ngày 31/12/2017: 64.516.000 cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tính đến ngày 31/12/2017: 64.516.000 cổ phiếu phổ thông

### 5.2 Cơ cấu cổ đông tại ngày 20/12/2017:

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ trọng
<b>1</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>141</b>	<b>32.941.780</b>	<b>51,06%</b>
	<i>Cá nhân</i>	135	215.330	0,33%
	<i>Tổ chức</i>	6	32.726.450	50,73%
<b>2</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>13</b>	<b>31.574.220</b>	<b>48,94%</b>
	<i>Cá nhân</i>	8	22.310	0,03%
	<i>Tổ chức</i>	5	31.551.910	48,91%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>154</b>	<b>64.516.000</b>	<b>100%</b>

🚩 **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm ngày 20/12/2017:**

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	0302483177	12/24/2001	50 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM	32.654.750	55,94%
2	VIAC (No.1) Limited Partnership	CA5360	7/12/2011	24 Raffles Place #22-00 Clifford Centre, Singapore (048621)	7.034.700	10,9%
3	Manila Water South Asia Holdings PTE. LTD	201009681K	5/5/2010	36 Robinson Road, #17-01 City House, Singapore (068877)	24.516.000	38%

**5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Tăng từ 583,700,000,000 đồng lên 645,160,000,000 đồng.

**5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

**5.5 Các chứng khoán khác:** Không có

## **6 Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1 Tác động môi trường:**

- Luôn tuân thủ các quy trình và thủ tục lấy nước thô của chính quyền và địa phương cho các nhà máy xử lý nước;
- Hoàn thiện hồ sơ cam kết môi trường khi bắt đầu dự án mới;
- Phối hợp vận hành với các nhà máy nước và đội quản lý mạng cấp nước nhằm kiểm soát và tiết kiệm được lượng điện năng, hóa chất tiêu thụ một cách đáng kể;
- Xây dựng quy định, cũng như các giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn điện theo chương trình tiết kiệm điện của các sở ban ngành;
- Xây dựng và thực hiện các chính sách về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, phòng chống cháy rừng và phương án quản lý bảo vệ rừng cho các nhà máy tại các tỉnh thành.

### **6.2 Tác động xã hội:**

Với mục tiêu đóng góp cho cộng đồng thông qua sản phẩm và dịch vụ của Công ty, với từng dự án được triển khai, Công ty đều có sự chú trọng đến tác động xã hội trong công tác tuyển dụng, đào tạo, kiến tạo môi trường làm việc và cộng đồng trong khu vực của dự án. Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí công việc luôn có ưu tiên cho lao động tại địa phương nơi dự án hình thành và phát triển. Công ty đặc biệt quan tâm đến các chính sách, chế độ tiền lương cho người lao động, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tương xứng với sự phát triển của công ty.

Trong năm 2017, Công ty thường xuyên tham gia các hoạt động xã hội như hội thao do UBND huyện và tỉnh tổ chức, chương trình hiến máu tình nguyện, tổ chức thăm hỏi vào các dịp lễ tết cho các hộ nghèo trong khu vực, cũng như đóng góp hỗ trợ cho các chương trình thiện nguyện tại địa phương.

## **III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh**

Trong năm 2017, Saigon Water đặt mục tiêu hoàn tất các dự án đang triển khai và nâng cao hiệu quả đầu tư thông qua việc tăng cường sự hiện diện tại các địa bàn hoạt động. Với định hướng đó, Công ty đã có nhiều hoạt động nhằm đảm bảo thực hiện được các mục tiêu kinh doanh đề ra. Mặc dù gặp thử thách với việc triển khai các dự án trong thời gian ngắn, với nguồn vốn và nhân lực giới hạn, tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao và kịp thời của Hội đồng quản trị, cùng với sự

đồng tâm nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên, hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty vẫn có các cột mốc đáng ghi nhận về mặt tăng trưởng và dấu ấn trên thị trường.

### Những tiến bộ đã đạt được

Công ty đã đạt được những kết quả trong việc triển khai và hoàn tất các dự án trong năm 2016. Đây là kết quả của việc tận dụng các nguồn lực và nỗ lực của ban quản trị trong việc quản lý dự án. Những thành quả của Công ty trong năm 2017 bao gồm:

- Dự án Củ Chi đã có 80,661 đầu nối hoàn thiện tính đến thời điểm cuối tháng 03/2018. Sản lượng nước ghi thu đạt khoảng hơn 15.000 m<sup>3</sup>/ngày đem mang lại doanh thu 27 tỷ cho năm 2017, tuy nhiên so với số lượng đồng hồ đã đấu nối thì hiện nay chỉ có hơn 40% hộ dân sử dụng nước do thói quen sử dụng nước ngầm vẫn đang duy trì. Tuy công ty cũng đã và đang phát động phong trào khuyến khích người dân sử dụng nước nhưng chưa mang lại hiệu quả cao;
- Nhà máy nước Tân Hiệp 2 đã chính thức đi vào hoạt động với công suất 150.000 m<sup>3</sup>/ngày đem và mang lại khoản lợi nhuận sau thuế là 8,5 tỷ trong năm 2017. Công ty đang trong quá trình hoàn thiện và nâng công suất như thoả thuận ban đầu với SAWACO;
- Từ tháng 12/2016, Saigon Water đã chính thức đầu tư vào Cấp Nước Gia Lai với tỉ lệ 51% vốn điều lệ. Sau 1 năm hoạt động dưới hình thức cổ phần hoá, Công ty Cấp nước Gia Lai đã và đang hoàn thiện bộ máy và tiến hành các kế hoạch khảo sát khắc phục thất thoát; thay đồng hồ cũ hết hạn sử dụng nhằm cải thiện doanh thu, đem lại hiệu quả hoạt động tốt hơn.
- Đảm bảo đầy đủ nguồn vốn cho các hoạt động đầu tư bằng việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược;
- Cơ cấu tổ chức tiếp tục được cập nhật cho phù hợp với tình hình phát triển thực tế của Công ty, và đang từng bước hoàn thiện theo hướng hiệu quả hơn;
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh, dự toán chi phí, doanh thu, dòng tiền nhằm đảm bảo kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh;

## 2. Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

### Tình hình tài sản

Tổng tài sản cuối năm 2017 đạt 3.246.814 triệu đồng, cụ thể như sau:

Đvt: triệu đồng

TÀI SẢN	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Thay đổi
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>384.750</b>	<b>871.161</b>	<b>(486.411)</b>
1. Tiền và tương đương tiền	77.084	399.297	(322.213)
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	96.061	-	96.061
3. Các khoản phải thu	145.914	281.396	(135.482)
4. Hàng tồn kho	34.757	29.845	4.913
5. Các tài sản ngắn hạn khác	30.934	160.625	(129.690)
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>2.862.063</b>	<b>2.566.640</b>	<b>295.423</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn	142.022	145.926	(3.904)

2. Tài sản cố định	2.125.961	315.629	1.810.332
3. Tài sản dở dang dài hạn	113.584	1.619.012	(1.505.428)
4. Đầu tư tài chính dài hạn	432.496	445.608	(13.112)
5. Các tài sản dài hạn khác	48.000	40.466	7.534
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>3.246.814</b>	<b>3.437.802</b>	<b>(190.988)</b>

### Tình hình nợ phải trả

Tổng các khoản nợ đến cuối năm 2017 là 1.732 tỷ đồng, giảm 427 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái. Các khoản nợ này đa phần là từ các khoản vay từ ngân hàng để hỗ trợ cho Dự án củ chi, vay từ việc huy động phát hành trái phiếu riêng biệt và một phần từ các khoản nợ ngắn hạn còn phải thanh toán cho các đối tác. Chi tiết các khoản nợ của công ty như sau:

Đvt: triệu đồng

<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>Thay đổi</b>
<b>I. NỢ NGẮN HẠN</b>	193.030	410.642	(217.611)
1. Phải trả người bán ngắn hạn	60.519	244.343	(183.824)
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.107	978	16.129
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.474	8.322	(4.848)
4. Phải trả người lao động	521	89	432
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15.073	17.002	(1.929)
6. Phải trả ngắn hạn khác	43.635	1.827	41.807
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	50.918	133.688	(82.771)
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.784	4.393	(2.609)
<b>II. NỢ DÀI HẠN</b>	1.538.995	1.748.691	(209.696)
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	400.000	600.000	(200.000)
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.138.995	1.148.691	(9.696)
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	1.732.025	2.159.332	(427.307)

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã tiến hành thay đổi cơ cấu tổ chức dựa trên mục tiêu phát triển trong vòng 5 năm tới, vì vậy dẫn đến các thay đổi lớn trong cách thức hoạt động và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Thực hiện nghị quyết số Nghị quyết số 11/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW của Hội đồng Quản trị Công ty về việc triển khai các thay đổi trong cơ cấu tổ chức Công ty, Tổng Giám đốc Công ty đã chính thức triển khai việc thay đổi cơ cấu tổ chức công ty trong tháng 08 năm 2017. Thành viên của Ban điều hành được phân chia nhiệm vụ rõ ràng, cũng như Trưởng các bộ phận. Mỗi phòng ban đều được phân công, phân nhiệm, và hình thành sự phân cấp phân quyền báo cáo theo cơ cấu tổ chức.
- Nhìn chung, cơ cấu tổ chức mới phù hợp với nhu cầu hỗ trợ và kết nối trong giai đoạn hiện nay. Các phòng ban, các công ty con trực thuộc và công ty liên kết được tăng cường kênh trao đổi thông tin, thúc đẩy sự phối hợp giữa các các phòng ban, các Công ty con, các dự án trong Danh mục Quản lý, hướng đến hoạt động của Công ty ngày một hiệu quả và đồng bộ.

- Công ty cũng theo dõi sát sao các chỉ tiêu hoạt động tài chính và kinh doanh của Công ty thông qua việc lập kế hoạch kinh doanh, chi phí dự án, doanh thu và dòng tiền định kỳ.

#### **4. Kế hoạch hoạt động trong năm 2018:**

Trong năm 2018, Ban điều hành xác định mục tiêu chính vẫn là bảo đảm tăng trưởng tốt và hiệu quả hoạt động của từng công ty con, đồng thời xem xét nghiên cứu những cơ hội kinh doanh mới tại những khu vực chưa có quản lý cấp nước hiệu quả, tỷ lệ thất thoát cao, và thiếu hụt nguồn cung cấp nước sạch. Những kế hoạch hành động thiết yếu của Ban điều hành được hoạch định trong năm 2018 như sau:

- Bảo đảm đầy đủ vốn cho các hoạt động của công ty mẹ, công ty con và các kế hoạch chi phí đầu tư dự án thông qua các kế hoạch và quản lý tài chính hiệu quả;
- Nâng cao hoạt động kinh doanh hiện tại thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ và sản lượng nước ghi thu đến khách hàng;
- Nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng quản lý của các công ty con bằng cách thực hiện các chương trình đánh giá chỉ tiêu hoạt động của các phòng ban;

Những kế hoạch hành động thiết yếu của ban điều hành là động lực chính để dẫn dắt công ty đạt lợi nhuận tốt và tăng giá trị thương mại phục vụ lợi ích cho tất cả cổ đông.

#### **✚ Kế hoạch và quản lý tài chính**

Với nguồn tài lực hạn chế của Công ty, việc lên kế hoạch và quản lý tài chính là điều tối quan trọng đối với Ban điều hành. Những phương án thiết yếu như sau:

- Đảm bảo đủ nguồn vốn cho các khoản đầu tư, mua sắm tài sản và chỉ tiêu hoạt động. Những chỉ tiêu vốn này sẽ theo đúng một lộ trình sắp đặt sẵn cho các dự án và các khoản đầu tư đã được lên kế hoạch bởi Ban điều hành.
- Đảm bảo các dự án được triển khai đúng thời gian theo như hoạch định, và tìm kiếm các cơ hội kinh doanh mới đem lại hiệu quả đầu tư cao hơn.
- Giám sát các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh và tài chính để đánh giá tính khả thi của dự án và hiệu quả đầu tư.
- Phát huy việc theo dõi các chỉ tiêu hoạt động chi tiết rõ ràng để nắm bắt những hoạt động không hiệu quả hay những chỉ tiêu không cần thiết.

#### **✚ Nâng cao hoạt động kinh doanh hiện tại**

Đối với hoạt động của các khoản đầu tư hiện tại, Công ty nhắm tới nâng cao kết quả kinh doanh hiện tại kết hợp với việc sử dụng các nguồn vốn một cách hiệu quả hơn. Năm 2018 sẽ mang đến những cơ hội và những thách thức cho các công ty trực thuộc. Vì vậy, Ban điều hành đề xuất các phương án sau:

- Đảm bảo nguồn vốn cho kế hoạch hoạt động và đầu tư của Công ty mẹ và các công ty con, đồng thời rà soát các chiến lược tái cơ cấu vốn và quản lý dòng tiền;
- Tìm các giải pháp phát triển sức tiêu thụ tại các khu vực dự án.
- Nắm bắt các tiêu chí phục vụ khách hàng và gia tăng đào tạo chất lượng dịch vụ cho đội ngũ nhân viên trực thuộc;
- Đánh giá danh mục đầu tư của Công ty thông qua việc xem xét các khoản đầu tư, tài sản chưa hiệu quả và/hoặc đang mang lại giá trị cao cho Công ty và xác định chiến lược đầu tư hiệu quả nhất;
- Phát huy việc theo dõi các chỉ tiêu hoạt động chi tiết để nắm bắt sát sao tình hình hoạt động của Công ty và so sánh với những tiêu chuẩn phục vụ và chỉ tiêu kinh doanh tốt nhất.

#### **✚ Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018:**

- ✚ Dựa trên những dự đoán có căn cứ với các số liệu chi tiết mà Công ty cho là hợp lý về những hoạt động đầu tư, tình hình kinh tế, môi trường kinh doanh cũng như những định

hướng chiến lược Công ty đã vạch ra, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2018 của Công ty như sau:

(ĐVT: tỷ đồng)	Thực tế 2017	Kế hoạch 2018	% tăng/(giảm)
1. Tổng doanh thu	515.261	667.507	30%
2. Tổng chi phí	488.507	622.342	27%
4. Thu nhập từ công ty liên kết	9.138	36.984	305%
5. Thu nhập trước thuế	35.892	82.149	129%
9. Lợi nhuận còn lại sau lợi ích cổ đông thiểu số	33.035	78.326	137%

## 5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

### Định hướng hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

Phát triển Công ty thành một tổ chức hoạt động kinh doanh chuyên về lĩnh vực Hạ tầng nước bao gồm ba mảng chính:

- Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước,
- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật môi trường nước,
- Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước.

### **Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước:**

Công ty sẽ tập trung nghiên cứu và phát triển các dự án tốt trong lĩnh vực môi trường bao gồm:

- Đầu tư xây dựng, vận hành các dự án trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, xử lý nước thải, rác thải.
- Đầu tư vào các doanh nghiệp hoặc các dự án hoạt động trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, xử lý nước thải.

### **Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước:**

Công ty sẽ tiếp tục đầu tư để phát triển và mở rộng thị trường, phát triển thêm các giải pháp công nghệ, và củng cố vững chắc vị thế của mình trên thị trường này. Hoạt động chính bao gồm:

- Cung cấp các giải pháp công nghệ, máy móc, thiết bị cho các nhà máy xử lý nước sạch, xử lý nước thải;
- Thiết kế, chế tạo máy móc thiết bị chuyên dụng cho ngành kỹ thuật môi trường;
- Tìm kiếm, nghiên cứu, phát triển các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường cho Công ty.

### **Phát triển dịch vụ vận hành, bảo dưỡng (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước:**

Với chuyên môn sâu về ngành và quan hệ đối tác lớn trong lĩnh vực môi trường, Công ty sẽ có điều kiện để phát triển để cung cấp dịch vụ vận hành, bảo dưỡng cho các dự án nhà máy xử lý nước sạch, nước thải do khách hàng đầu tư hoặc do chính Công ty tham gia đầu tư. Đây là một dịch vụ đang được các định chế tài chính quan tâm, thúc đẩy và phát triển tại Việt Nam theo đúng xu hướng phát triển chung trên thế giới.

### **📌 Định hướng phát triển nguồn nhân lực:**

- Tăng cường hoạt động tìm kiếm nguồn nhân sự cho các vị trí quản lý cấp cao để đáp ứng cho nhu cầu phát triển của công ty trong những năm tới.
- Có kế hoạch mang tính chủ động đối với lực lượng lao động trực tiếp nhằm đáp ứng và duy trì hoạt động đầu tư tại mọi thời điểm theo yêu cầu.
- Từng bước xây dựng và hoàn thiện các chế độ tiền lương và đãi ngộ đối với người lao động, thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm, các chính sách đảm bảo an toàn lao động nhằm thu hút người tài, người có tâm huyết đối với Công ty.

## **6. Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1 Liên quan đến môi trường**

- Luôn kết hợp thực hiện các nghiên cứu tác động môi trường trong giai đoạn lựa chọn, xây dựng và phát triển dự án;
- Tăng cường công tác kiểm tra chặt chẽ hệ thống tuyến ống và các trang thiết bị cấp nước để kịp thời khắc phục sửa chữa, duy tu các sự cố hư hỏng xảy ra, nhằm hạn chế tình hình thất thoát nước;
- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống máy móc để nâng cao tuổi thọ hoạt động của máy.
- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc lịch trực vận hành, trực xử nước đảm bảo chất lượng đúng quy trình kỹ thuật.
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp vào sản xuất để vận hành nhà máy tối ưu nhất.

### **6.2 Liên quan đến xã hội**

- Cam kết đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng, tăng cường tìm hiểu nhu cầu sử dụng nước sạch tại địa phương nhằm đảm bảo người dân được tiếp cận với nguồn nước chất lượng cao.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng để cập nhật tiêu chuẩn và quy chuẩn an toàn của nguồn nước.
- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật cho người lao động trong công ty, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc, nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân.
- Tiếp tục phát huy các hoạt động chăm sóc cộng đồng trong các năm trước.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá về hoạt động của Công ty**



Năm 2017 chứng kiến nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phát triển mạnh mẽ, đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; xuất khẩu tăng mạnh và xuất siêu, khu vực công nghiệp phục hồi rõ nét, trở thành động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế. Vốn đầu tư nước ngoài vào nhiều lĩnh vực khác nhau tăng trưởng ấn tượng, lãi suất cho vay ổn định, cùng nỗ lực của Chính phủ đưa ra các giải pháp đồng bộ, quyết liệt cải thiện môi trường kinh doanh đã mang đến sự hỗ trợ cần thiết cho sự phát triển kinh tế xã hội, tăng cường năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Trong bối cảnh phát triển kinh tế tích cực đó, Công ty cũng đã vượt qua được nhiều thử thách và đạt được kết quả hoạt động khả quan.

Thành quả đáng chú ý Công ty đã đạt được trong năm 2017 là hoàn tất Giai đoạn 2 của Dự án Đầu tư phát triển và quản lý hệ thống cung cấp và phân phối nước sạch trên địa bàn Huyện Củ Chi trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, Công ty còn hợp tác triển khai thành công ở các tỉnh thành trong khu vực như vận hành Nhà máy nước Tân Hiệp 2 đạt sản lượng dự kiến từ năm đầu tiên vận hành, triển khai các hoạt động cải tổ và tăng cường chất lượng dịch tại Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai và cải tạo Nhà máy nước tại Thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Những thành quả này là tiền đề để công ty tiếp tục xây dựng năng lực và đóng góp cho ngành hạ tầng nước trong những năm tiếp theo.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc**

Trong năm 2017 Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thực hiện công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc công ty thông qua việc ban hành kịp thời các nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của công ty. Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành các hoạt động của công ty, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình HĐQT xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

Năm 2017 có những khó khăn, thách thức riêng trong việc hoàn tất các dự án trong thời gian ngắn, quản lý danh mục dự án và ổn định hoạt động của các dự án đã đi vào vận hành. Trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung và của Công ty nói riêng, Ban điều hành Công ty đã nỗ lực đáng kể trong việc triển khai thực hiện kế hoạch được ĐHCĐ thường niên năm 2016 thông qua và đạt được những cột mốc đáng ghi nhận đối với các dự án. HĐQT hết sức ghi nhận sự nỗ lực của Ban Giám Đốc và tập thể cán bộ công nhân viên Công ty trong năm qua.

## **3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT**

Trong năm 2018, Công ty có nhiều kế hoạch cần thực hiện nhằm nâng cao kết quả và đạt được chỉ tiêu đề ra. Đó là động lực thúc đẩy Công ty duy trì hiệu quả hoạt động và cải thiện công tác vận hành của các công ty con và dự án.

Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, trong năm 2018, Hội đồng Quản trị sẽ tập trung thực hiện các hoạt động chủ yếu sau đây:

- Hội đồng quản trị vẫn sẽ linh hoạt và kiên định trong việc cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm phục vụ cho lợi ích của các cổ đông;
- Liên tục quản lý và phát triển mối quan hệ với nhiều cơ quan khác nhau, bao gồm cả lĩnh vực tư nhân và tổ chức chính quyền, nhằm gia tăng kết nối để tăng sản lượng cung cấp của các nhà máy nước hiện hữu, và tạo nên ưu thế tốt hơn trong việc thương thảo giá bán nước và các yêu cầu dịch vụ;
- Chỉ đạo công tác huy động vốn đảm bảo việc cung ứng vốn kịp thời cho hoạt động đầu tư đồng thời giám sát chặt chẽ khả năng thanh toán của công ty trong thời gian năm (5) năm;
- Triển khai thực hiện tốt các mục tiêu đã được đại hội đồng cổ đông thông qua, phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SX- KD và đầu tư phát triển năm 2018.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) của công ty gồm 7 thành viên. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ/ Tỷ lệ
1	Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	-
2	Bà Giao Thị Yên	Phó Chủ tịch HĐQT	20.000/0,03%
3	Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên HĐQT	0/0%
4	Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên HĐQT	23.000/0,04%
5	Ông Virgilio Cervantes Rivera Jr.	Thành viên HĐQT	0/0%
6	Ông Luis Juan B. Oreta	Thành viên HĐQT	0/0%
7	Ông Nguyễn Phi Long (bổ nhiệm ngày 21/04/2017, từ nhiệm ngày 04/12/2017)	Thành viên HĐQT	0/0%

## 1.2 Các tiểu ban thuộc HĐQT:

Hiện tại, công ty có Hội đồng Đầu tư (HĐĐT) và Tiểu ban tài chính nhằm hỗ trợ hoạt động của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Đầu tư (HĐĐT) – tiểu ban thuộc HĐQT. Hội đồng đầu tư có trách nhiệm giúp cho Hội đồng quản trị tìm hiểu và thẩm định các dự án đầu tư của công ty một cách hiệu quả nhất. Loại dự án được đưa vào danh mục thẩm định của Hội đồng Đầu tư phải có tổng giá trị đầu tư trên 10.000.000 USD (tương đương >200 tỷ đồng). Tiểu ban Tài chính có trách nhiệm xem xét, đánh giá và hỗ trợ Ban điều hành lập kế hoạch tài chính năm, trung và dài hạn. Trong năm 2017, Hội đồng đầu tư và Tiểu ban tài chính đã thường xuyên tư vấn và hướng dẫn Ban điều hành Công ty trong việc triển khai các dự án đầu tư, xem xét và đánh giá hiệu quả hoạt động của các dự án trong danh mục cũng như quản lý tình hình tài chính của công ty.

## 1.3 Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2017, HĐQT đã họp 16 lần và ban hành các Nghị quyết với những nội dung sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW	22/2/2017	- Thống nhất kết quả kinh doanh năm 2016; - Thống nhất việc tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của MWSAH; - Thông qua kế hoạch họp Đại hội Đồng Cổ đông thường niên 2016; - Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị xem xét việc giảm tỷ lệ góp vốn tại dự án Cấp nước Sài Gòn – Cần Thơ;
2	04A/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW	24/02/2017	- Thông báo việc thay đổi con dấu theo địa chỉ mới.
3	04/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW	10/3/2017	- Chấp nhận khoản vay vốn cấp tín dụng có bảo đảm với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) cho Dự án Củ Chi – giai đoạn 2 với các điều kiện và điều khoản;
4	06/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW	17/4/2017	- Chấp thuận Đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016 -2021 của Bà Đặng Thị Thanh Hải kể từ ngày 11/4/2017; - Thông qua việc bổ nhiệm thành viên HĐQT thay thế;
5	07/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW	15/5/2017	- Thông qua việc mua lại trước hạn trái phiếu đã phát hành cho VIB theo Hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 23/12/2016;
6	08/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW	25/5/2017	- Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phương án sử dụng vốn; - Thông qua nội dung hợp đồng phát hành cổ phiếu và chào bán riêng lẻ cổ phiếu giữa Công ty và đối tác chiến lược Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd. (MWSAH);

7	09/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW	06/07/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc Saigon Water cho Công ty Cổ phần Saigon – Pleiku vay;</li> <li>- Giao cho Ban điều hành quyết định các điều khoản vay;</li> <li>- Giao cho đại diện pháp luật của Saigon Water ký kết hợp đồng vay và các văn bản khác liên quan;</li> </ul>
8	10/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW	24/7/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký tăng vốn Điều lệ Công ty từ 583.700.000.000 đồng Việt Nam lên 645.160.000.000 đồng Việt Nam phù hợp với kết quả phát hành thêm theo Nghị quyết của ĐHCĐ ngày 21/4/2017;</li> <li>- Thông qua việc Sửa đổi nội dung Điều lệ Công ty tại Khoản 1, Điều 6;</li> <li>- Giao cho Ông Trương Khắc Hoàn, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, thực hiện các công việc và thủ tục cần thiết;</li> </ul>
9	11/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW	15/8/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017;</li> <li>- Thông qua cơ cấu tổ chức điều chỉnh theo ý kiến của HĐQT dựa trên đề xuất theo tờ trình số 511/2017/SGW/VP/TTr.HR; ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ban hành quyết định bổ nhiệm các vị trí đã được thông nhất; ủy quyền cho Tổng Giám đốc và Ban Điều hành triển khai thực hiện và công bố cơ cấu tổ chức; giao cho Tổng Giám đốc trình HĐQT phê duyệt các quyết định bổ nhiệm các vị trí còn thiếu (nếu có);</li> </ul> <p>Phê duyệt Saigon Water thực hiện vay vốn đầu tư tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với các khoản nợ chậm thanh toán cho khối lượng hoàn thành của các nhà thầu xây dựng thực hiện giai đoạn 2 Dự án Củ Chi, HĐQT thống nhất chủ trương thanh toán thêm tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán; và ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký kết các phụ lục hợp đồng và hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết;</li> </ul>
10	12/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW	22/8/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh giữ chức vụ Giám đốc Tài chính, đồng thời kiêm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn;</li> <li>- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng lao động với Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh;</li> </ul>
11	13/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW	22/8/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ nhiệm Bà Lourdes Dalusung giữ chức vụ Giám đốc Kiểm soát Tài chính tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn</li> <li>- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng lao động với Bà Lourdes Dalusung;</li> </ul>
12	14/2017/SGW/NQ-	30/8/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ nhiệm Ông Ramoncito Gomez giữ</li> </ul>

	HĐQT-SGW		<p>chức vụ Giám đốc Kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng lao động với Ông Ramoncito Gomez.</li> </ul>
13	15/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW	18/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt việc thoái vốn của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn tại Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – Cần Thơ;</li> <li>- Giao cho Ban Điều hành lựa chọn cổ đông hiện hữu để đàm phán và hoàn tất các thủ tục pháp lý để thoái vốn;</li> </ul>
14	16/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW	30/11/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường về phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ;</li> <li>- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn;</li> <li>- Thông qua việc thực hiện các nội dung khác liên quan: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ủy quyền cho Tổng Giám đốc lựa chọn và ký hợp đồng với công ty chứng khoán tư vấn công tác phát hành cổ phần;</li> <li>- Giao Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hiện thủ tục chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ bất thường;</li> <li>+ Chuẩn bị Tờ trình phương án phát hành, Dự thảo Nghị quyết Đại hội, Biên bản Đại hội và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;</li> <li>+ Các công việc khác phục vụ cho việc tổ chức Đại hội.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>
15	17/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW	04/12/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;</li> <li>- Phê duyệt việc mua lại cổ phần của MWSAH và VOI tại CTCP Cấp thoát nước Củ Chi;</li> <li>- Phê duyệt khoản vay vốn từ Công ty CP Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM (CII);</li> <li>- Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2017;</li> <li>- Chấp thuận thư từ nhiệm của Ông Nguyễn Phi Long với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thư từ nhiệm của Ông Nguyễn Anh Thi với tư cách thành viên Ban Kiểm soát và thống nhất trình cho Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2017 thông qua.</li> <li>- Giao trách nhiệm cho Ông Lê Vũ Hoàng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, triển khai thực hiện các nội dung quyết nghị nêu trên;</li> </ul>
16	18/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW	18/12/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống nhất phê duyệt việc thoái vốn của Saigon Water tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ với phương án thoái vốn theo</li> </ul>

			<p>tờ trình số 681/2017/SGW/TTr.AM;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao cho Tổng Giám đốc chủ động thương thảo các điều khoản chuyển nhượng phần vốn của Saigon Water tại CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ phù hợp với phương án thoái vốn, điều kiện của thị trường và quy định pháp luật;</li> <li>Ủy quyền Chủ tịch HĐQT phê duyệt kết quả thương thảo với đối tác nhận chuyển nhượng của Ban Điều hành;</li> <li>- Giao cho Ban điều hành hoàn tất các thủ tục pháp lý để thoái vốn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;</li> </ul>
--	--	--	---

#### 1.4 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp và các hoạt động của HĐQT. Các thành viên đều tham gia xem xét, nghiên cứu và đóng góp ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT làm cơ sở để HĐQT ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan.

#### 1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có

#### 1.6 Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên HĐQT
4	Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên HĐQT
5	Ông Virgilio Cervantes Rivera Jr.	Thành viên HĐQT
6	Ông Luis Juan B. Oreta	Thành viên HĐQT
7	Ông Nguyễn Phi Long	Thành viên HĐQT

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1 Thành viên và cơ cấu

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Vũ Thị Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Lê Anh Thi	Thành viên
3	Bà Karoline C. Sangalang	Thành viên

### 2.2 Hoạt động của BKS

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện nhiệm vụ sau:

- ❖ Giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.
- ❖ Phối hợp với Ban Giám Đốc và HĐQT kiểm tra giám sát hoạt động SXKD của công ty.

- ❖ Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính năm, đảm bảo tính trung thực, hợp lý và minh bạch của BCTC. Phân tích đánh giá tình hình tài chính của Công ty.
- ❖ Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, lập kế hoạch cho từng thành viên. Thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã đề ra và tổng kết lập Báo cáo kiểm tra, giám sát.

### 3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát

#### 3.1 Lương, thưởng, thù lao và lợi ích

Công ty không trả thù lao cho HĐQT, BKS.

Tiền lương của ban điều hành năm 2017 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thực hiện năm 2017			Ghi Chú
			Tổng số tiền	Lương/thù lao	Thưởng	
1	Trương Khắc Hoàn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	803.068.500	741.294.000	61.774.500	
2	Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	520.000.000	480.000.000	40.000.000	
3	Ronnie D, Lim	Giám đốc Điều hành	-			
4	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	530.000.000	480.000.000	50.000.000	Bổ nhiệm Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng theo quyết định số 12/2017/QĐ-HĐQT-SGW ngày 22/08/2017; Hiệu lực thi hành ngày 22/08/2017

#### 4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd.	Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr – Giám đốc	18,370,000	31,47%	24,516,000	38,00%	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ, tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của SII từ 57.380.000 cổ phiếu lên thành 64.516.000 cổ phiếu

#### 5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

#### 6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

Công ty tuân thủ chấp hành các quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

### VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

#### 1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế (IFC), Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



## **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

### **2.1. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính được đính kèm theo bản công bố thông tin này.

### **2.2. Địa chỉ công bố và cung cấp báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất:**

**Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn**

Tầng 5, 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM

Website: [www.saigonwater.com.vn](http://www.saigonwater.com.vn)

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn, kính thông báo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, quý cổ đông, quý nhà đầu tư được rõ.

Trân trọng.

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2018*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRƯƠNG KHẮC HOÀNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



---

Tháng 3 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 47

JHE  
VÀ  
HINH  
PSE

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Bà Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên
Ông Luis Juan B. Oreta	Thành viên
Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr	Thành viên
Ông Lê Anh Thi	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2018)
Bà Đặng Thị Thanh Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Phi Long	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 12 năm 2017)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Khắc Hoàn	Tổng Giám đốc
Bà Giao Thị Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông John Walter E.Tendencia	Giám đốc điều hành (bỏ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2018)
Ông Bernardo C. Manosca	Giám đốc Kỹ thuật (bỏ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2018)
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính (bỏ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2017)
Bà Lourdes Ma Dalusung	Giám đốc Kiểm soát Tài chính (bỏ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2017)
Ông Hoàng Diệp Bảo Vinh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2017)
Ông Ronnie D.Lim	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2018)
Ông Ramoncito L. Gomez	Giám đốc Kỹ thuật (miễn nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2018)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



*Trương Khắc Hoàng*  
**Trương Khắc Hoàng**  
Tổng Giám đốc

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018*



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn  
Số: 032802/2018/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Lương Xuân Trường**  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1741-2018-072-1  
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2018

**Phạm Thị Toan**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2767-2014-072-1



Thành viên hãng **agn** International / Member Firm of **agn** International

**Kiểm toán/Audit. Kế toán/Accounting. Tư vấn thuế/Tax Consulting. Tài chính/Finance**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>384.750.280.821</b>	<b>871.161.236.515</b>
<b>I.</b>				
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>77.083.924.793</b>	<b>399.296.556.939</b>
1. Tiền	111		9.401.676.536	397.496.556.939
2. Các khoản tương đương tiền	112		67.682.248.257	1.800.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>96.061.259.130</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	96.061.259.130	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>145.913.525.715</b>	<b>281.395.557.501</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	69.098.052.219	109.095.937.498
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	5.152.846.051	133.420.066.654
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	13.500.000.000	4.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	58.254.129.531	37.147.955.369
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(91.502.086)	(2.268.402.020)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>34.757.278.972</b>	<b>29.844.522.552</b>
1. Hàng tồn kho	141	12	34.757.278.972	29.844.522.552
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>30.934.292.211</b>	<b>160.624.599.523</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	2.409.118.234	614.136.538
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.887.469.008	160.010.462.985
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	22.a	637.704.969	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.862.063.349.333</b>	<b>2.566.640.276.468</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>142.021.984.374</b>	<b>145.925.711.378</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	142.021.984.374	145.925.711.378
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.125.961.100.622</b>	<b>315.628.777.843</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	2.111.629.685.053	300.303.282.010
- Nguyên giá	222		2.486.373.284.637	363.645.964.934
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(374.743.599.584)	(63.342.682.924)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	14.331.415.569	15.325.495.833
- Nguyên giá	228		16.981.205.211	16.481.055.904
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.649.789.642)	(1.155.560.071)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>113.583.678.339</b>	<b>1.619.011.691.837</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	113.583.678.339	1.619.011.691.837
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>432.496.326.430</b>	<b>445.608.305.759</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17.a	123.435.524.063	302.454.910.759
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17.b	309.060.802.367	143.153.395.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>48.000.259.568</b>	<b>40.465.789.651</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	7.740.760.418	19.859.684.964
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	1.124.281.890	1.029.510.085
3. Lợi thế thương mại	269	19	39.135.217.260	19.576.594.602
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>3.246.813.630.154</b>	<b>3.437.801.512.983</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.732.025.434.611</b>	<b>2.159.332.407.232</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>193.030.347.991</b>	<b>410.641.513.589</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	60.519.286.991	244.342.990.886
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	17.106.827.811	978.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22.b	3.473.957.515	8.321.742.851
4. Phải trả người lao động	314		520.830.707	88.523.888
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	15.073.192.113	17.001.725.153
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	24	43.634.533.192	1.827.286.076
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25.a	50.917.617.446	133.688.355.684
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.784.102.216	4.392.889.051
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.538.995.086.620</b>	<b>1.748.690.893.643</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	26	400.000.000.000	600.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25.b	1.138.995.086.620	1.148.690.893.643
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.514.788.195.543</b>	<b>1.278.469.105.751</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>27</b>	<b>1.514.788.195.543</b>	<b>1.278.469.105.751</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.160.000.000	583.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		645.160.000.000	583.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		162.330.434.000	119.923.034.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.278.365.266	9.604.164.796
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		84.763.248	84.763.248
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		238.120.268.478	202.682.617.941
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		199.332.972.726	169.198.608.534
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		38.787.295.752	33.484.009.407
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		457.814.364.551	362.474.525.766
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>3.246.813.630.154</b>	<b>3.437.801.512.983</b>



Nguyễn Thị Ái  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàn  
Tổng Giám đốc

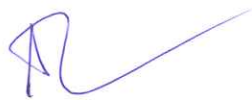
Ngày 28 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>28</b>	<b>279.856.734.186</b>	<b>256.886.522.115</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	10.977.273	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>279.845.756.913</b>	<b>256.886.522.115</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	29	288.750.491.071	208.262.716.755
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>(8.904.734.158)</b>	<b>48.623.805.360</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	34.496.530.615	46.511.249.233
7. Chi phí tài chính	22	31	111.514.185.996	21.062.372.036
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		110.537.001.529	20.977.457.750
8. Phần lãi trong công ty liên doanh liên kết	24		9.138.498.149	7.853.140.514
9. Chi phí bán hàng	25	32	8.391.043.145	5.362.912.476
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	53.964.400.562	41.864.937.729
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>(139.139.335.097)</b>	<b>34.697.972.866</b>
12. Thu nhập khác	31	34	200.918.593.290	5.112.481
13. Chi phí khác	32	35	25.887.377.801	721.261.032
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>175.031.215.489</b>	<b>(716.148.551)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>35.891.880.392</b>	<b>33.981.824.315</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	2.952.059.694	4.441.079.204
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	18	(94.771.805)	(552.495.085)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>33.034.592.503</b>	<b>30.093.240.196</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		38.787.295.752	33.484.009.407
20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(5.752.703.249)	(3.390.769.211)
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>37</b>	<b>598</b>	<b>545</b>



Nguyễn Thị Ái  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàng  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	35.891.880.392	33.981.824.315
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	88.353.716.266	24.181.979.586
Các khoản dự phòng	03	(2.176.899.934)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(841.930)	(6.633.025)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(43.077.064.953)	(30.439.152.403)
Chi phí lãi vay	06	110.976.596.261	20.977.457.750
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	189.967.386.102	48.695.476.223
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	281.297.180.540	(66.425.879.504)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	1.838.466.741	(24.182.593)
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(286.773.897.529)	(107.155.743.641)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(4.067.042.454)	(2.693.723.090)
Tiền lãi vay đã trả	14	(94.734.752.595)	(29.950.128.791)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.251.980.467)	(30.807.250.455)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.282.987.305)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>76.992.373.033</b>	<b>(188.361.431.851)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(404.070.566.191)	(186.764.768.562)
2. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(109.061.259.130)	(4.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.500.000.000	100.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	5.365.014.040	(153.426.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	68.655.320.000	44.008.160.000
6. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.448.341.444	46.420.533.545
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(410.163.149.837)</b>	<b>(153.762.075.017)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	112.897.400.000	5.701.000.000
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	390.353.044.630	545.789.944.322
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(492.293.141.902)	(122.940.422.822)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(18.900.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>10.957.302.728</b>	<b>409.650.521.500</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(322.213.474.076)</b>	<b>67.527.014.632</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>399.296.556.939</b>	<b>331.763.493.782</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	841.930	6.048.525
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> <b>(70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>77.083.924.793</b>	<b>399.296.556.939</b>

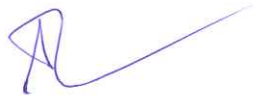
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Thông tin bổ sung cho báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

Dòng tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm (mã số 26) là khoản tiền thu được từ việc chuyển nhượng Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa với giá trị là 28.655.320.000 đồng và và khoản tiền 40.000.000.000 VND Công ty nhận trước từ Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP về việc Công ty sẽ thực hiện chuyển nhượng trong tương lai số cổ phần Công ty đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.

Dòng tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu trong năm (mã số 31) bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành bổ sung cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd (xem thêm tại thuyết minh số 27) và thu từ phần vốn góp tăng thêm của Cổ đông không kiểm soát trong Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – An Khê.



Nguyễn Thị Ái  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Kế toán trưởng



Trương Khắc Hoàn  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 08 năm 2004 và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.160.000.000 VND, được chia thành 64.516.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (“gọi tắt là Công ty CIT”) với tỷ lệ sở hữu là 50,61%.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; hoạt động thiết kế chuyên dụng; tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật); thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải, bán buôn thiết bị cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch - nước thải; bán buôn vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường; bán buôn hóa chất khác (trừ sử dụng trong nông nghiệp); dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính); lắp đặt hệ thống điện; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; nuôi trồng thủy sản; sản xuất máy móc - thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; chuẩn bị mặt bằng; hoạt động thiết kế chuyên dụng; cho thuê máy móc thiết bị, vật tư ngành điện, nước, nuôi trồng thủy sản; gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; lập dự án đầu tư, tư vấn, chuyển giao công nghệ, dịch vụ tư vấn và xử lý môi trường; sản xuất sản phẩm từ plastic; thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt; buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; lắp đặt hệ thống điện; mua bán thiết bị cấp - thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch - nước thải - môi trường, mua bán vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường, mua bán hóa chất; thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Các sự kiện quan trọng trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Ngày 3 tháng 1 năm 2017, Công ty đã thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN, vốn điều lệ là 240.000.000.000 VND. Trong kỳ, Công ty đã góp đủ 240.000.000.000 VND vốn điều lệ.

Ngày 5 tháng 1 năm 2017, Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Ngày 9 tháng 1 năm 2017, Công ty nhận sở cổ đông theo đó Công ty đã hoàn tất việc đầu tư vào Công ty Cổ phần cấp Nước Gia Lai theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 7 năm 2016 và trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần cấp nước Gia Lai với tỷ lệ nắm giữ là 51% vốn điều lệ.

Ngày 21 tháng 4 năm 2017, Công ty đã thực hiện bán toàn bộ 1.432.900 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa. Do đó, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa không còn là Công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

Ngày 7 tháng 12 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ 1.012.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Cần Thơ. Do đó, Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Cần Thơ không còn là Công ty con của Công ty kể từ này.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào tám (08) công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

*Các công ty được đầu tư trực tiếp bởi Công ty:*

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Các công ty con</b>				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Tp. Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Tỉnh Lâm Đồng	90,00%	90,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55,00%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	Tp. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và
6. Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	64,89%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
7. Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (i)	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
<b>Các công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

(i) Công ty con này đang trong giai đoạn góp vốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con đồng nhất.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ và được trình bày là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, giá trị của khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của Công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là khoảng 10 năm. Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

**Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ**

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	07 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08
Vườn cây lâu năm	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 03 đến 10 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản chi phí trả trước**

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Trái phiếu phát hành**

Các khoản trái phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính trên cơ sở giá trị thuần bằng giá trị của trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) chiết khấu trái phiếu cộng (+) các khoản phụ trội của trái phiếu.

Các khoản chiết khấu và phụ trội của trái phiếu được theo dõi chi tiết theo từng loại trái phiếu phát hành và phân bổ vào chi phí đi vay hàng kỳ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG** (tiếp theo)

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****Thuế (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	1.214.479.245	266.862.765
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.187.197.291	397.229.694.174
Các khoản tương đương tiền (i)	67.682.248.257	1.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>77.083.924.793</b>	<b>399.296.556.939</b>

(i) Các khoản tương đương tiền là số dư tiền gửi tiết kiệm có thời hạn dưới ba (03) tháng tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	96.061.259.130	-

(i) Đây là số dư các khoản tiền gửi tiết kiệm có thời hạn sáu (06) tháng tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	20.260.139.347	-
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật & Xây dựng Tuấn Lộc	13.258.510.623	56.206.615.305
Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn An Khang	11.500.000.000	-
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn Củ Chi	9.252.891.936	1.670.982.540
Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng	8.325.205.523	8.605.101.805
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")	5.000.000.000	12.546.152.630
Các khoản phải thu khác	1.501.304.790	30.067.085.218
<b>Cộng</b>	<b>69.098.052.219</b>	<b>109.095.937.498</b>

**Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 39 - bên liên quan)**

<b>5.000.000.000</b>	<b>12.546.152.630</b>
----------------------	-----------------------



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tecnicas De Filtracion, SA	2.150.937.180	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Minh	1.076.240.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiên Hy Niên	700.000.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai	-	121.176.000.000
Các khoản trả trước khác	1.225.668.871	12.244.066.654
<b>Cộng</b>	<b>5.152.846.051</b>	<b>133.420.066.654</b>

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Licogi 16	13.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2	500.000.000	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.500.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>

**10. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	29.990.935.298	1.924.161.485
Phải thu tiền từ chuyển nhượng dự án đầu tư (i)	11.406.410.345	23.160.462.296
Phải thu người lao động	10.977.243.501	9.042.810.817
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.085.382.838	-
Các khoản phải thu khác	3.794.157.549	3.020.520.771
<b>Cộng</b>	<b>58.254.129.531</b>	<b>37.147.955.369</b>
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>		
Phải thu tiền từ chuyển nhượng dự án đầu tư (i)	141.300.373.374	141.295.510.800
Ký cược, ký quỹ dài hạn	721.611.000	4.630.200.578
<b>Cộng</b>	<b>142.021.984.374</b>	<b>145.925.711.378</b>

**Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan**  
(chi tiết tại Thuyết minh số 39 - bên liên quan)

<b>152.706.783.719</b>	<b>164.455.973.096</b>
------------------------	------------------------

(i) Đây là số dư phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào dự án Diamond Riverside.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Tầng 5, số 70 Lũ Gia, Phường 15, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. NỢ XẤU**

	31/12/2017			01/01/2017			Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
	VND	VND		VND	VND		
Phải thu khác	50.355.851	-	> 3 năm	50.355.851	-	> 3 năm	Phạm Văn Lý
Phải thu khách hàng	41.146.235	-	> 3 năm	41.146.235	-	> 3 năm	Các đối tượng khác
Phải thu khách hàng	-	-		1.880.000.000	-	> 3 năm	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu, Đầu tư Tổng hợp & Hợp tác
Phải thu khách hàng	-	-		296.899.934	-	> 3 năm	Quốc tế Chi nhánh Xây Dựng Số 1- Tổng
<b>Cộng</b>	<b>91.502.086</b>	<b>-</b>		<b>2.268.402.020</b>	<b>-</b>		Công ty VIWASEEN
<b>Giá trị đã lập dự phòng</b>	<b>91.502.086</b>			<b>2.268.402.020</b>			

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**12. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	28.146.259.625	-	10.162.829.191	-
Công cụ, dụng cụ	995.450.589	-	517.678.454	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.900.629.102	-	19.067.099.607	-
Hàng hóa	96.915.300	-	96.915.300	-
Hàng gửi đi bán	618.024.356	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>34.757.278.972</b>	<b>-</b>	<b>29.844.522.552</b>	<b>-</b>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí thi công, lắp đặt đường ống, đồng hồ	1.756.050.534	220.963.062
Chi phí trả trước khác	653.067.700	393.173.476
<b>Cộng</b>	<b>2.409.118.234</b>	<b>614.136.538</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa nhà máy, văn phòng	4.794.478.584	530.516.437
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.423.163.476	3.816.823.551
Chi phí lãi vay dự án Củ Chi giai đoạn I	-	15.067.196.083
Chi phí trả trước dài hạn khác	523.118.358	445.148.893
<b>Cộng</b>	<b>7.740.760.418</b>	<b>19.859.684.964</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TÀNG NƯỚC SÀI GÒN**

Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2017	68.333.784.458	99.988.142.856	194.163.124.832	609.368.788	551.544.000	363.645.964.934
Mua trong năm	-	163.000.000	-	498.350.000	205.000.000	866.350.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành	96.413.070.338	356.103.000	1.648.627.314.802	-	-	1.745.396.488.140
Tăng từ mua Công ty con (i)	95.421.122.521	91.029.705.826	190.089.450.343	269.948.909	-	376.810.227.599
Tăng do phân loại lại tài sản cố định trong năm	-	90.000.000	-	543.344.873	-	633.344.873
Giảm khác (90.000.000)	-	-	(889.090.909)	-	-	(979.090.909)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>260.077.977.317</b>	<b>191.626.951.682</b>	<b>2.031.990.799.068</b>	<b>1.921.012.570</b>	<b>756.544.000</b>	<b>2.486.373.284.637</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2017	9.946.750.537	28.866.626.329	24.212.109.208	214.364.350	102.832.500	63.342.682.924
Khấu hao trong năm	10.619.887.239	10.201.915.057	59.750.996.671	363.068.438	163.160.499	81.099.027.904
Tăng từ mua Công ty con (i)	52.213.919.852	63.428.208.747	114.453.912.267	205.847.890	-	230.301.888.756
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>72.780.557.628</b>	<b>102.496.750.133</b>	<b>198.417.018.146</b>	<b>783.280.678</b>	<b>265.992.999</b>	<b>374.743.599.584</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2017	58.387.033.921	71.121.516.527	169.951.015.624	395.004.438	448.711.500	300.303.282.010
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>187.297.419.690</b>	<b>89.130.201.549</b>	<b>1.833.573.780.921</b>	<b>1.137.731.892</b>	<b>490.551.001</b>	<b>2.111.629.685.053</b>

*(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1, Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai đã trở thành công ty con của Công ty từ ngày 05 tháng 01 năm 2017.*

- Nguyên giá tài sản cố định đem đi thế chấp là 1.914.769.689.671 VND. Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị và một số phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay và nợ (xem chi tiết tại Thuyết minh số 25).

- Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.892.365.232 VND (31 tháng 12 năm 2016 là 1.665.798.564 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	2.769.700.000	13.711.355.904	16.481.055.904
Mua trong năm	-	994.994.180	994.994.180
Tặng từ mua Công ty con (i)	-	48.500.000	48.500.000
Giảm do phân loại lại tài sản cố định trong năm	-	(543.344.873)	(543.344.873)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>2.769.700.000</b>	<b>14.211.505.211</b>	<b>16.981.205.211</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	-	1.155.560.071	1.155.560.071
Khấu hao trong năm	-	1.456.212.770	1.456.212.770
Tặng từ mua Công ty con (i)	-	38.016.801	38.016.801
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>-</b>	<b>2.649.789.642</b>	<b>2.649.789.642</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2017	2.769.700.000	12.555.795.833	15.325.495.833
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>2.769.700.000</b>	<b>11.561.715.569</b>	<b>14.331.415.569</b>

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1, Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai đã trở thành công ty con của Công ty từ ngày 05 tháng 01 năm 2017.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 16.778.513.091 VND.

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn thị xã An Khê và vùng phụ cận tỉnh Gia Lai, công suất 9.500 m3/ngày đêm (i)	98.771.079.328	8.307.349.324
Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi (ii)	11.674.978.273	1.606.875.947.080
Chi phí nâng cấp hệ thống đường ống xung quanh Nhà máy Nước Gia Lai (iii)	2.544.598.569	-
Chi phí xây dựng cơ bản hệ thống đường ống xung quanh Nhà máy Nước Pleiku	593.022.169	593.022.169
Đầu tư xây dựng mới nhà máy nước Sài Gòn - Mê Kông công suất 50.000 m3/ngày đêm	-	3.235.373.264
<b>Cộng</b>	<b>113.583.678.339</b>	<b>1.619.011.691.837</b>

(i) Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước được thực hiện trên địa bàn thị xã An Khê và vùng phụ cận Gia Lai. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 160,93 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu là 40 tỷ đồng. Thời gian đầu tư dự án là từ quý 3 năm 2016 đến hết quý 3 năm 2017 và dự kiến đưa vào vận hành, khai thác từ quý 4 năm 2017. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG** (tiếp theo)

(ii) Dự án được thực hiện tại Thị trấn Củ Chi và 10 xã lân cận. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước là 600 tỷ đồng, được thực hiện theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 triển khai trong năm 2015 với tổng mức vốn dự kiến là 1.657.957.072.479 đồng, giai đoạn 2 thực hiện từ năm 2016 đến năm 2019 với tổng mức vốn dự kiến là 799.100.000.000 đồng. Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án này trong tương lai đã được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay và nợ dài hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số 24.

(iii) Dự án được thực hiện tại đường Lê Thánh Tôn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.968.222.000 VND. Dự án dự kiến sẽ đưa vào vận hành, khai thác từ quý 1 năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN****a. Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	119.659.788.611	3.775.735.452	(ii)	119.659.788.611	-	(ii)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ (i)	-	-	-	147.202.880.000	13.341.764.670	
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	-	-	-	21.435.500.000	814.977.478	(ii)
<b>Cộng</b>	<b>119.659.788.611</b>	<b>3.775.735.452</b>		<b>288.298.168.611</b>	<b>14.156.742.148</b>	
<b>Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ</b>		<b>123.435.524.063</b>			<b>302.454.910.759</b>	

(i) Mặc dù sở hữu 31,2% vốn của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ nhưng đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần công ty này cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP. Vì Công ty không có ý định nắm giữ khoản đầu tư cho mục đích thu được lợi ích kinh tế lâu dài từ hoạt động của công ty này nên khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ đã được phân loại là tài sản nắm giữ chờ để bán. Công ty không hợp nhất khoản đầu tư này theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2017. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đã được trình bày như một khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (xem Thuyết minh b).

(ii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của một số công ty liên doanh, liên kết tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết nêu trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ (ii)	165.907.407.367	-	207.184.000.000	-	-	(i)
Công ty CP BOO Nước Thủ Đức	143.153.395.000	-	(i)	143.153.395.000	-	(i)
<b>Cộng</b>	<b>309.060.802.367</b>	-		<b>143.153.395.000</b>	-	

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

(ii) Như đã trình bày tại thuyết minh trên, Công ty sẽ thực hiện chuyển nhượng số cổ phần Công ty đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP. Ngày 31 tháng 01 năm 2018 Công ty đã thực hiện chuyển nhượng thành công 6.310.400 cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP. Số lượng 3.374.000 cổ phiếu còn lại Công ty đang nắm giữ vẫn tiếp tục đang trong quá trình chuyển nhượng hết cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP. Giá trị hợp lý được xác định theo số lượng nhân với giá bán cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ mà Công ty đã thỏa thuận hợp theo đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần công ty này cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>477.015.000</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(552.495.085)
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>1.029.510.085</b>
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(94.771.805)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>1.124.281.890</b>
<b>Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</b>	<b>(94.771.805)</b>

**19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Giá trị ghi sổ VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2017	32.706.500.204
Tăng trong năm	25.357.098.250
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>58.063.598.454</b>
<b>HAO MÓN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2017	13.129.905.602
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	5.798.475.592
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>18.928.381.194</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2017	19.576.594.602
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>39.135.217.260</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Kỹ Thuật Việt	18.177.252.923	18.177.252.923	19.286.959.362	19.286.959.362
Manila Water South Asia Holdings Pte.Ltd	9.802.053.274	9.802.053.274	-	-
Công ty TNHH Hóa nhựa Đệ Nhất	5.709.328.472	5.709.328.472	15.107.778.033	15.107.778.033
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	5.413.430.062	5.413.430.062	4.287.061.237	4.287.061.237
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.481.994.396	3.481.994.396	100.762.513.540	100.762.513.540
Công ty Cổ phần Đầu tư Lotas	1.027.500.628	1.027.500.628	7.256.152.320	7.256.152.320
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	743.070.000	743.070.000	587.860.000	587.860.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)	-	-	75.156.687.257	75.156.687.257
Các nhà cung cấp khác	16.164.657.236	16.164.657.236	21.897.979.137	21.897.979.137
<b>Cộng</b>	<b>60.519.286.991</b>	<b>60.519.286.991</b>	<b>244.342.990.886</b>	<b>244.342.990.886</b>

Trong đó: Phải trả người  
bán là các bên liên quan  
(chi tiết tại Thuyết minh số  
39 - bên liên quan)

	743.070.000	743.070.000	75.744.547.257	75.744.547.257
--	-------------	-------------	----------------	----------------

**21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần LICOGI 16	10.616.377.411	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	5.950.500.000	-
Các đối tượng khác	539.950.400	978.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.106.827.811</b>	<b>978.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

**a) Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước**

	01/01/2017	Số phải nộp	Số thực nộp	31/12/2017
	VND	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	163.372.919.143	163.861.072.348	488.153.205
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	119.333.944	119.333.944
Thuế thu nhập cá nhân	-	105.475.888	135.693.708	30.217.820
<b>Cộng</b>	-	<b>163.478.395.031</b>	<b>164.116.100.000</b>	<b>637.704.969</b>

**b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước**

	01/01/2017	Số phải nộp	Số thực nộp	31/12/2017
	VND	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.275.904.141	2.621.125.368	4.622.217.863	1.274.811.646
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.755.901.735	3.064.468.793	6.132.646.523	687.724.005
Thuế thu nhập cá nhân	304.729.650	1.748.146.217	1.915.773.525	137.102.342
Thuế tài nguyên	79.059.883	994.026.740	989.388.876	83.697.747
Thuế bảo vệ môi trường	130.954.725	6.476.789.274	5.968.256.853	639.487.146
Thuế nhà đất, tiền thuê đất phải nộp	-	3.637.987.969	3.153.529.907	484.458.062
Lệ phí và các khoản thuế khác phải nộp	775.192.717	5.011.226.390	5.619.742.540	166.676.567
<b>Cộng</b>	<b>8.321.742.851</b>	<b>23.553.770.751</b>	<b>28.401.556.087</b>	<b>3.473.957.515</b>

**23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	12.976.812.876	12.116.898.254
Trích trước chi phí dự án	1.201.045.293	3.851.539.793
Các khoản trích trước khác	895.333.944	1.033.287.106
<b>Cộng</b>	<b>15.073.192.113</b>	<b>17.001.725.153</b>

**24. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP (i)	40.000.000.000	-
Mượn tiền Ông Lê An Bình	2.009.708.610	-
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	850.289.000	833.789.000
Cổ tức phải trả	389.000.000	389.000.000
Các khoản khác	385.535.582	604.497.076
<b>Cộng</b>	<b>43.634.533.192</b>	<b>1.827.286.076</b>

(i) Đây là số tiền Công ty nhận trước từ Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP về việc Công ty sẽ thực hiện chuyển nhượng trong tương lai số cổ phần Công ty đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH****a. Ngắn hạn**

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 11 (i)	9.815.879.446	9.815.879.446	46.859.609.233	37.043.729.787	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh-HDBank	-	-	40.000.000.000	100.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty CII	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN HCM	-	-	1.100.000.000	32.678.113.589	31.578.113.589	31.578.113.589
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành	-	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.815.879.446</b>	<b>9.815.879.446</b>	<b>127.959.609.233</b>	<b>218.721.843.376</b>	<b>100.578.113.589</b>	<b>100.578.113.589</b>
Cộng: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 25.b)	41.101.738.000	41.101.738.000	-	-	33.110.242.095	33.110.242.095
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.917.617.446</b>	<b>50.917.617.446</b>			<b>133.688.355.684</b>	<b>133.688.355.684</b>

*(i) Đây là khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 theo các hợp đồng tín dụng sau:*

- Hợp đồng tín dụng số 82/2016-HĐTDHM/NHCT942-Enviro ngày 30 tháng 12 năm 2016 với hạn mức 30.000.000.000 VND. Thời hạn vay tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ, khoản vay này nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động trong sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay là lãi suất ngày, được quy định cụ thể trên từng Giấy nhận nợ. Công ty đã sử dụng Quyền phải thu phát sinh từ toàn bộ hợp đồng kinh tế để thế chấp cho khoản vay này.

- Hợp đồng cho vay từng lần số 28/2017-HĐCLTL/NHCT942-Enviro ngày 08 tháng 06 năm 2017 với hạn mức 50.000.000.000 VND. Thời hạn vay tối đa không quá 8 tháng kể từ ngày nhận nợ, khoản vay này được sử dụng để phục vụ cho việc thực hiện công trình “Thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp (EPC) thuộc dự án BOO Nhà máy nước Phú Ninh”. Lãi suất vay là lãi suất ngày và bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm, được xác định và điều chỉnh một tháng một lần. Công ty đã sử dụng Quyền phải thu phát sinh từ toàn bộ hợp đồng kinh tế để thế chấp cho khoản vay này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**b. Dài hạn**

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
<b>Vay Ngân hàng</b>						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 11 (i)	694.172.374.871	694.172.374.871	182.394.435.397	129.152.060.526	640.930.000.000	640.930.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN HCM (ii)	94.684.307.738	94.684.307.738	-	7.500.000.000	102.184.307.738	102.184.307.738
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Gia Lai (iii)	79.579.000.000	79.579.000.000	79.579.000.000	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - CN Lâm Đồng (iv)	51.400.000.000	51.400.000.000	-	10.000.000.000	61.400.000.000	61.400.000.000
Ngân hàng Phát triển Châu Á (v)	7.145.018.014	7.145.018.014	8.244.252.014	1.099.234.000	-	-
Ngân Hàng TMCP Á Châu (vi)	583.324.000	583.324.000	-	350.004.000	933.328.000	933.328.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Gia Lai (vii)	570.000.000	570.000.000	570.000.000	-	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Gia Lai	-	-	470.000.000	470.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>928.134.024.623</b>	<b>928.134.024.623</b>	<b>271.257.687.411</b>	<b>148.571.298.526</b>	<b>805.447.635.738</b>	<b>805.447.635.738</b>
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(41.101.738.000)	(41.101.738.000)			(33.110.242.095)	(33.110.242.095)
<b>Cộng</b>	<b>887.032.286.623</b>	<b>887.032.286.623</b>			<b>772.337.393.643</b>	<b>772.337.393.643</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**b. Dài hạn** (tiếp theo)

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
<b>Trái phiếu phát hành</b>						
Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - CN TP. HCM (viii)	255.000.000.000	255.000.000.000	-	125.000.000.000	380.000.000.000	380.000.000.000
Chi phí phát hành	(3.037.200.003)	(3.037.200.003)			(3.646.500.000)	(3.646.500.000)
<b>Cộng</b>	<b>251.962.799.997</b>	<b>251.962.799.997</b>	<b>-</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>376.353.500.000</b>	<b>376.353.500.000</b>
Trừ: Nợ gốc trái phiếu phải trả trong vòng 12 tháng	-	-			-	-
<b>Cộng</b>	<b>251.962.799.997</b>	<b>251.962.799.997</b>			<b>376.353.500.000</b>	<b>376.353.500.000</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.138.995.086.620</b>	<b>1.138.995.086.620</b>	<b>271.257.687.411</b>	<b>273.571.298.526</b>	<b>1.148.690.893.643</b>	<b>1.148.690.893.643</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

(i) Đây là khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 theo các hợp đồng sau:

- Ngày 2 tháng 10 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay là 640.930.000.000 VND. Khoản vay được dùng để chi trả các chi phí cho nhà cung cấp liên quan đến dự án Xã hội hóa phát triển hệ thống cấp nước tại huyện Củ Chi. Khoản vay này có thời hạn trong vòng 126 tháng bắt đầu từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng. Khoản vay chịu lãi suất 10,5%/năm tại ngày ký hợp đồng, sau đó mức lãi suất này sẽ thay đổi định kỳ 3 tháng/lần với bằng lãi suất huy động 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng biên độ 2,3%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án, bao gồm các hạng mục công trình, các khoản thanh toán từ các giao dịch cho thuê, cung cấp sản phẩm của dự án, chuyển nhượng, tiền bảo hiểm, quyền kinh doanh và khai thác tài sản của dự án để thế chấp cho khoản vay này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)****b. Dài hạn (tiếp theo)*****Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)***

- Ngày 14 tháng 03 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay không vượt quá 320.330.000.000 VND. Khoản vay được dùng để chi trả các chi phí cho nhà cung cấp liên quan đến dự án Xã hội hóa phát triển hệ thống cấp nước tại huyện Củ Chi (giai đoạn 2). Khoản vay này có thời hạn trong vòng 180 tháng bắt đầu từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng. Lãi suất vay là lãi suất ngày, được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Sau đó mức lãi suất này sẽ thay đổi định kỳ 3 tháng/lần với bằng lãi suất huy động 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng biên độ 2,8%/năm. Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án, bao gồm các hạng mục công trình, các khoản thanh toán từ các giao dịch cho thuê, cung cấp sản phẩm của dự án, chuyển nhượng, tiền bảo hiểm, quyền kinh doanh và khai thác tài sản của dự án để thế chấp cho khoản vay này.

(ii) Ngày 03 tháng 06 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức vay là 109.000.000.000 VND, giải ngân theo nhu cầu tại từng thời điểm. Khoản vay này có thời hạn trong vòng 96 tháng bắt đầu từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 24 tháng và sẽ được trả gốc hàng quý, bắt đầu từ ngày 5 tháng 6 năm 2016 đến ngày 5 tháng 6 năm 2022. Khoản vay chịu lãi suất 9,43%/năm, sau đó, mức lãi suất này sẽ thay đổi định kỳ 3 tháng 1 lần bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng VND trả lãi cuối kỳ trung bình của 4 ngân hàng (VCB, ACB, Saccombank và VPBank) tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 03%/năm. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất tại thôn 3, xã Biển Hồ, thành phố Pleiku; toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án nhà máy cấp nước công suất 30.000 m<sup>3</sup>/ngày tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ việc bán nước sạch cho Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Lai để thế chấp cho khoản vay này.

(iii) Ngày 26 tháng 06 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Gia Lai với hạn mức vay là 119.000.000.000 đồng để Đầu tư dự án phát triển, quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn thị xã An Khê và vùng phụ cận - tỉnh Gia Lai. Khoản vay này có thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn khoản vay đến 31/12/2017. Lãi suất cho vay hiện tại là 9% năm và được cố định đến ngày 30 tháng 06 năm 2018. Từ ngày 01 tháng 07 năm 2018 trở đi lãi suất cho vay xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau bình quân do bốn ngân hàng BIDV Nam Gia Lai, Agribank Gia Lai, Techcombank Gia Lai và VPBank Gia Lai thông báo cộng thêm phí ngân hàng là 2,8%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản sau đầu tư của toàn bộ Dự án phát triển, quản lý hệ thống cấp nước trên địa bàn thị xã An Khê và vùng phụ cận - tỉnh Gia Lai (từ vốn tự có và vốn vay) để thế chấp cho khoản vay này.

(iv) Số dư khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được sử dụng với mục đích mua lại nhà máy cấp nước Đankia 2. Hạn mức khoản vay là 90.000.000.000 VND với thời hạn 9 năm, lãi suất trong năm đầu tiên là 12%/năm, kể từ năm thứ 2 lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở theo từng thời kỳ cộng biên độ 3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất thửa đất số 04, 407, 17, tài sản gắn liền với đất tại xã Lát, huyện Lạc Dương, phường 7, Thành phố Đà Lạt. Đây là đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất.

(v) Ngày 20 tháng 12 năm 2007, Công ty đã ký Khế ước nhận nợ với Ngân hàng Phát triển Châu Á - ADB, trị giá 16.488.497.014 VND. Khoản vay được trả trong vòng 25 năm kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 0%/năm cộng với 0,2%/năm phí quản lý. Đây là khoản vay không thế chấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

(vi) Ngày 3 tháng 8 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu trị giá 1.400.000.000 VND, khoản vay được sử dụng để thanh toán tiền mua xe ô tô Mazda CX9. Khoản vay được trả trong vòng 48 tháng. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 8,7%/năm, thay đổi định kỳ 3 tháng/lần. Công ty sử dụng xe ô tô Mazda CX9 AWD để thế chấp cho khoản vay này.

(vii) Đây là số dư nợ vay phải trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai, hạn mức cho vay 570.000.000 VND, mục đích vay đầu tư mua sắm 01 xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA (số loại CX5 25G AT AWD), thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 9,7%/năm cố định trong bốn năm tính từ ngày giải ngân. Công ty đã sử dụng tài sản là chính chiếc xe ô tô con để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay này.

**Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trong vòng một năm	41.101.738.000	33.110.242.095
Trong năm thứ hai	54.095.054.000	83.890.956.381
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	266.517.009.738	291.756.177.143
Sau năm năm	566.420.222.885	396.690.260.119
<b>Cộng</b>	<b>928.134.024.623</b>	<b>805.447.635.738</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(41.101.738.000)	(33.110.242.095)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>887.032.286.623</b>	<b>772.337.393.643</b>

**Thông tin bổ sung cho trái phiếu phát hành**

(viii) Trái phiếu 380 tỷ phát hành cho Ngân hàng VIB - chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

- Loại trái phiếu: trái phiếu thường không chuyển đổi;
- Mệnh giá: 380.000.000.000 VND;
- Ngày phát hành: 23 tháng 12 năm 2016;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm.
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 3 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến Trái phiếu;
- Lãi suất: Lãi suất trong 4 kỳ đầu tiên là 9%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VIB + biên độ 2,8%/năm;
- Mục đích: 160 tỷ đồng trái phiếu được sử dụng để đầu tư giai đoạn 2 dự án Củ Chi và 220 tỷ đồng sẽ được sử dụng để góp vốn thành lập công ty TNHH.

Công ty đã sử dụng cổ phần của một số công ty con, công ty liên kết để cầm cố, thế chấp cho trái phiếu phát hành, cụ thể:

	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đankia	9.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	4.950.000	49.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	10.320.000	103.200.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	25.500	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á	1.020.000	10.200.000.000
Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Lai	9.180.000	91.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>34.495.500</b>	<b>347.250.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

Ngoài ra Công ty còn thể chấp phần vốn góp 321.174.000.000 VND trong Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi để thế chấp cho trái phiếu phát hành trên.

Trái phiếu trên sẽ được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trong vòng một năm	-	-
Trong năm thứ hai	85.000.000.000	125.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	170.000.000.000	255.000.000.000
Sau năm năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>255.000.000.000</b>	<b>380.000.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	-	-
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(3.037.200.003)	(3.646.500.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>251.962.799.997</b>	<b>376.353.500.000</b>

(\*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

**26. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Khoản hỗ trợ từ Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (i)	400.000.000.000	600.000.000.000

Số dư khoản doanh thu chưa thực hiện dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là số tiền mà Sở tài chính Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ không hoàn lại cho Công ty theo công văn số 826/TB - VP ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản hỗ trợ này sẽ được sử dụng để bù đắp chênh lệch giữa giá phí nước sạch thực tế mà Công ty cung cấp và giá phí nước sạch được Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố duyệt khi bán cho các hộ dân trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020.

Khoản Doanh thu chưa thực hiện này sẽ được phân bổ vào thu nhập khác trong vòng 3 năm kể từ năm 2017 (xem thêm tại thuyết minh số 34).

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	583.700.000.000	119.923.034.000	2.596.429.014	84.763.248	184.457.567.484	379.250.818.084	1.270.012.611.830
NCI đầu tư vào công ty con						5.701.000.000	5.701.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	33.484.009.407	(3.390.769.211)	30.093.240.196
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(18.900.000.000)	(18.900.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.007.735.782	-	(7.194.258.890)	186.523.108	-
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(8.064.700.060)	(373.046.215)	(8.437.746.275)
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>583.700.000.000</b>	<b>119.923.034.000</b>	<b>9.604.164.796</b>	<b>84.763.248</b>	<b>202.682.617.941</b>	<b>362.474.525.766</b>	<b>1.278.469.105.751</b>
Tăng vốn trong năm	61.460.000.000	42.407.400.000	-	-	-	-	103.867.400.000
NCI đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	(1.244.275)	101.092.542.034	101.091.297.759
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	38.787.295.752	(5.752.703.249)	33.034.592.503
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.674.200.470	-	(1.674.200.470)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(1.674.200.470)	-	(1.674.200.470)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>645.160.000.000</b>	<b>162.330.434.000</b>	<b>11.278.365.266</b>	<b>84.763.248</b>	<b>238.120.268.478</b>	<b>457.814.364.551</b>	<b>1.514.788.195.543</b>

Ngày 21 tháng 4 năm 2017, Đại hội Đồng cổ đông thường niên đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2016. Theo đó Công ty trích lập quỹ đầu tư và phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và không chia cổ tức năm 2016.

**Chi tiết vốn góp Chủ sở hữu**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Tỷ lệ	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ	Vốn đã góp VND
Vốn góp của Công ty CII	50,61%	326.521.780.000	55,94%	326.521.780.000
Vốn góp của cổ đông khác	49,39%	318.638.220.000	44,06%	257.178.220.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>645.160.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>583.700.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

***Thông tin về đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ***

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược là Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd. theo Nghị quyết số 01 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 21 tháng 04 năm 2017 và Nghị quyết số 08 Hội đồng Quản trị ngày 25 tháng 05 năm 2017, tăng vốn điều lệ từ 583.700.000.000 VND lên 645.160.000.000 VND, chi tiết như sau:

1. Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá: 10.000 đồng;
3. Số lượng cổ phiếu chào bán: 6.146.000 cổ phiếu;
4. Giá bán: 16.900 đồng/cổ phiếu;
5. Tổng số lượng vốn huy động: 103.867.400.000 đồng;
6. Ngày bắt đầu chào bán: 23 tháng 05 năm 2017
7. Ngày hoàn thành việc chào bán: 21 tháng 06 năm 2017.
8. Đối tượng phát hành: Manila Water South Asia Holdings Pte. Ltd. (MWSAH);

***Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ***

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ này được sử dụng để thanh toán các nghĩa vụ tài chính và bổ sung vốn lưu động.

***Mục đích sử dụng vốn thực tế trong năm***

Theo báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ Công ty, tổng số tiền thu được từ đợt chào bán này là 103.867.400.000 VND. Theo đó, Công ty đã sử dụng toàn bộ số tiền này để:

- Thanh toán các nghĩa vụ tài chính của Công ty: 95.000.000.000 VND;
- Bổ sung vốn lưu động, chi phí hoạt động của Công ty: 8.867.400.000 VND;

Như vậy, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ Công ty đã được sử dụng đúng mục đích theo phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ đã được phê duyệt.

***Cổ phần***

	31/12/2017 Cổ phần	01/01/2017 Cổ phần
Số lượng Cổ phần đăng ký phát hành	64.516.000	58.370.000
Số lượng Cổ phần đã bán ra công chúng	64.516.000	58.370.000
+ Cổ phần phổ thông	64.516.000	58.370.000
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng Cổ phần được mua lại	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng Cổ phần đang lưu hành	64.516.000	58.370.000
+ Cổ phần phổ thông	64.516.000	58.370.000
+ Cổ phần ưu đãi	-	-

Mệnh giá Cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu dịch vụ cung cấp, lắp đặt vật tư, thiết bị ngành nước, xử lý môi trường	158.049.915.487	188.803.316.444
Doanh thu cung cấp nước sạch	116.670.219.424	67.111.168.424
Doanh thu tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch và các dịch vụ liên quan	5.136.599.275	972.037.247
<b>Cộng</b>	<b>279.856.734.186</b>	<b>256.886.522.115</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	(10.977.273)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>279.845.756.913</b>	<b>256.886.522.115</b>

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn dịch vụ cung cấp, lắp đặt vật tư, thiết bị xử lý môi trường	125.384.476.311	150.514.137.468
Giá vốn cung cấp nước sạch	152.784.506.913	57.402.303.607
Giá vốn tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch và các dịch vụ liên quan	10.581.507.847	346.275.680
<b>Cộng</b>	<b>288.750.491.071</b>	<b>208.262.716.755</b>

**30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.630.195.482	5.509.570.547
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.903.528.800	32.178.413.200
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	6.935.335.737	8.732.549.798
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	26.628.666	84.082.646
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	841.930	6.633.042
<b>Cộng</b>	<b>34.496.530.615</b>	<b>46.511.249.233</b>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	110.537.001.529	20.977.457.750
Chi phí phát hành trái phiếu	439.594.732	-
Phí lưu ký, môi giới và bán chứng khoán	500.086.827	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.203.554	6.496.093
Chi phí tài chính khác	34.299.354	78.418.193
<b>Cộng</b>	<b>111.514.185.996</b>	<b>21.062.372.036</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**32. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	6.061.775.917	3.505.429.564
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.044.226.691	230.255.754
Chi phí bảo hành	-	918.797.660
Chi phí dịch vụ mua ngoài	822.893.842	422.414.184
Chi phí khác bằng tiền	462.146.695	286.015.314
<b>Cộng</b>	<b>8.391.043.145</b>	<b>5.362.912.476</b>

**33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	23.616.552.643	19.185.886.925
Lợi thế thương mại phân bổ trong năm	5.798.475.592	3.262.765.767
Chi phí đồ dùng văn phòng	688.324.298	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.685.779.559	-
Tiền thuê đất, thuê, phí và lệ phí	740.345.620	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.436.604.171	-
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.998.318.679	19.416.285.037
<b>Cộng</b>	<b>53.964.400.562</b>	<b>41.864.937.729</b>

**34. THU NHẬP KHÁC**

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập từ khoản hỗ trợ của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh (xem thêm tại thuyết minh số 26)	200.000.000.000	-
Các khoản thu nhập khác	918.593.290	5.112.481
<b>Cộng</b>	<b>200.918.593.290</b>	<b>5.112.481</b>

**35. CHI PHÍ KHÁC**

	2017 VND	2016 VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	25.178.893.533	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính và phạt thuế	57.103.730	-
Các khoản chi phí khác	651.380.538	721.261.032
<b>Cộng</b>	<b>25.887.377.801</b>	<b>721.261.032</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2017 VND	2016 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>35.891.880.392</b>	<b>33.981.824.315</b>
<b>Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(21.250.799.452)	(33.748.845.111)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(12.903.528.800)	(40.031.553.714)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ</i>	(841.930)	(6.633.025)
<i>Lợi nhuận từ Công ty liên kết</i>	(9.138.498.149)	-
<i>Các khoản thu nhập bị loại trừ khi hợp nhất</i>	792.069.427	6.289.341.628
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	17.511.964.629	28.049.931.312
<i>Phân bổ lợi thế thương mại</i>	5.798.475.592	3.262.765.767
<i>Lỗi chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất</i>	(6.310.088.395)	-
<i>Lỗi tính thuế của Công ty mẹ và các Công ty con bị bù trừ khi hợp nhất</i>	16.990.918.849	23.919.090.748
<i>Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	1.032.658.583	868.074.797
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>32.153.045.569</b>	<b>28.282.910.516</b>
Lỗi tính thuế mang sang	(14.358.225.426)	(6.077.514.498)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>17.794.820.143</b>	<b>22.205.396.018</b>
<b>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
Thuế suất thuế thông thường	20%	20%
Thuế suất ưu đãi từ dự án đầu tư (i)	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.100.618.840	4.441.079.204
Thuế TNDN được miễn giảm	229.172.594	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước bổ sung	52.509.394	-
Thuế TNDN bị truy thu	28.104.054	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.952.059.694</b>	<b>4.441.079.204</b>

(i) Hoạt động kinh doanh nước sạch của Công ty có tính chất xã hội hóa nên được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định hiện hành: hưởng thuế suất thuế ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm và được miễn thuế 4 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế, đồng thời giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chịu thuế suất 20%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	38.787.295.752	33.484.009.407
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	(1.939.364.788)	(1.674.200.470)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>36.847.930.964</b>	<b>31.809.808.937</b>
Cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm	61.636.641	58.370.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>598</b>	<b>545</b>

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ được tính bằng lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 với tỷ lệ là 5%.

**38. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau, theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh (hay theo lĩnh vực kinh doanh).

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hoạt động chủ yếu của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Bộ phận tư vấn, thi công : Tư vấn, thi công, cung cấp, lắp đặt các thiết bị xử lý môi trường.  
Bộ phận kinh doanh nước sạch : Cung cấp nước sạch

Kết quả kinh doanh của từng bộ phận như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**38. BÁO CÁO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Năm 2017**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Tư vấn, thi công công trình VND</b>	<b>Kinh doanh nước sạch VND</b>	<b>Loại trừ nội bộ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	163.186.514.762	116.659.242.151	-	279.845.756.913
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	11.875.591.780	11.475.553.680	(23.351.145.460)	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>175.062.106.542</b>	<b>128.134.795.831</b>	<b>(23.351.145.460)</b>	<b>279.845.756.913</b>
<b>Giá vốn</b>				
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	135.965.984.158	152.784.506.913	-	288.750.491.071
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	10.272.416.938	12.984.831.057	(23.257.247.995)	-
<b>Tổng chi phí</b>	<b>146.238.401.096</b>	<b>165.769.337.970</b>	<b>(23.257.247.995)</b>	<b>288.750.491.071</b>
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>28.823.705.446</b>	<b>(37.634.542.139)</b>	<b>(93.897.465)</b>	<b>(8.904.734.158)</b>

Doanh thu hoạt động tài chính				34.496.530.615
Chi phí tài chính				111.514.185.996
Phần lãi trong công ty liên doanh liên kết				9.138.498.149
Chi phí bán hàng				8.391.043.145
Chi phí quản lý doanh nghiệp				53.964.400.562
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				<b>(139.139.335.097)</b>
Thu nhập khác				200.918.593.290
Chi phí khác				25.887.377.801
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				2.952.059.694
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(94.771.805)
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>				<b>33.034.592.503</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN**

Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)****Năm 2016**

Chỉ tiêu	Tư vấn, thi công	Kinh doanh nước sạch	Loại trừ nội bộ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	189.775.353.691	67.111.168.424	-	256.886.522.115
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	13.523.552.483	-	(13.523.552.483)	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>203.298.906.174</b>	<b>67.111.168.424</b>	<b>(13.523.552.483)</b>	<b>256.886.522.115</b>
<b>Giá vốn</b>				
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	150.860.413.148	57.402.303.607	-	208.262.716.755
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	9.937.992.690	-	(9.937.992.690)	-
<b>Tổng chi phí</b>	<b>150.860.413.148</b>	<b>57.402.303.607</b>	<b>(9.937.992.690)</b>	<b>208.262.716.755</b>
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>52.438.493.026</b>	<b>9.708.864.817</b>	<b>(3.585.559.793)</b>	<b>48.623.805.360</b>
Doanh thu hoạt động tài chính				46.511.249.233
Chi phí tài chính				21.062.372.036
Phần lãi trong công ty liên doanh liên kết				7.853.140.514
Chi phí bán hàng				5.362.912.476
Chi phí quản lý doanh nghiệp				41.864.937.729
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				<b>34.697.972.866</b>
Thu nhập khác				5.112.481
Chi phí khác				721.261.032
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				4.441.079.204
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(552.495.085)
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>				<b>30.093.240.196</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**39. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty CII	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty cùng tập đoàn

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	2017 VND	2016 VND
<b>Giao dịch với Công ty CII</b>		
Lãi chuyển nhượng dự án Diamond Riverside	8.750.810.623	20.165.258.400
Mượn tiền trong năm	40.000.000.000	-
Lãi tiền mượn trong năm	132.222.222	-
Nhận thanh toán tiền chuyển nhượng dự án Diamond Riverside	-	100.000.000.000
Bù trừ công nợ trong năm	-	15.480.000.000
Thanh toán tiền mua Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	-	32.250.000.000
Nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	-	119.515.788.611
<b>Giao dịch với Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp</b>		
Bán hàng trong năm	231.855.800	149.600.000
<b>Giao dịch với Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&amp;C)</b>		
Mua hàng và chi phí thi công công trình phải trả	19.090.874.968	129.227.808.582
Thanh toán công nợ trong năm	94.620.035.721	33.263.698.670
Bán hàng trong năm	9.536.936.810	29.041.217.247
Thu tiền bán hàng trong năm	18.028.359.214	19.441.636.342
Bù trừ công nợ trong năm	-	1.377.965.550
<b>Giao dịch với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII</b>		
Mua hàng và dịch vụ phải trả	2.234.263.636	2.176.954.546
Thanh toán công nợ trong năm	2.302.480.000	1.704.335.000
<b>Giao dịch với Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia</b>		
Thuê văn phòng và phí quản lý	864.291.770	218.400.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng</b> <i>Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&amp;C")</i>	5.000.000.000	12.546.152.630
<b>Các khoản phải thu khác</b> Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	152.706.783.719	164.455.973.096
<b>Các khoản phải trả</b> Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)	743.070.000	587.860.000
<b>Cộng</b>	<u>743.070.000</u>	<u>75.744.547.257</u>


Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm:

	2017 VND	2016 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.014.877.462	2.309.893.848

**40. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Ngày 31 tháng 1 năm 2018 Công ty đã thực hiện chuyển nhượng thành công 6.310.400 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ do Công ty nắm giữ cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP.

  
\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Ái**  
Người lập biểu

  
\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**  
Kế toán trưởng

  
  
\_\_\_\_\_  
**Trương Khắc Hoàn**  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018